

**Phần PHÚ và VĂN TẾ**

## **Gia-dịnh thất thủ phủ**

Mùa xuân năm Kỷ Mùi niên hiệu Tự-Đức thứ 12, dương lịch 1859, đồng bào sáu tỉnh miền Nam đang sống trong cảnh thanh bình của đất nước, tình thế bỗng trở nên nghiêm trọng kịch liệt.

Lợi dụng danh nghĩa bảo vệ các giáo sĩ, binh thuyền thực dân Pháp do tướng R. de Genouilly từ ngoài Đà-Nẵng tiến vào cửa Vũng-Tàu, mở màn cuộc xâm chiếm nước ta. Đoàn chiến thuyền lớn nhỏ cả thảy 14 chiếc chở hơn 3.000 lính của hai nước Pháp và Y-pha-Nho tiến lên nhả đạn như mưa vào các công sự phòng thủ và các chiến thuyền của ta. Rồi qua cửa Cần-giờ, tiến sâu vào nội-địa.

Được tin cáo cấp, quan Tông-đốc Gia-dịnh là Võ-duy-Ninh hỏa tốc tự đi các tỉnh đem binh về tiếp viện. Nhưng quân lính vì đã thiếu luyện tập từ lâu, lại kém hồn tinh thần chiến đấu, nên chỉ trong hai ngày, thành Gia-dịnh, căn cứ trọng yếu nhất của miền Nam đã bị hạ và bị san thành bình địa. Võ-duy-Ninh tử trận. Liên quân Pháp Y-pha-Nho cướp được 200 khẩu đại-bác, 8 chiến thuyền, 20.000 súng tay và gươm giáo, 85.000 kí-lô thuốc đạn, 180.000 phật-lăng kè cả tiền lẩn bạc. Chúng phóng hỏa đốt các đồn trại nhà cửa và một kho lúa gạo, có thể nuôi được hàng vạn quân sĩ ăn suốt trong một năm...

Từ đó trở đi, chiến cuộc mỗi ngày một lan rộng, kết quả lãnh thổ và chủ quyền nước ta phải lọt vào tay thực dân Pháp.

Nhân dân ta trong 80 năm trời đen tối của lịch sử vừa qua phải sống một cảnh sống làm nô lệ cho ngoại bang sai khiến. Về điểm này hẳn không mấy ai không biết, cũng như việc thành Gia Định bị thất thủ trên kia đã được ghi lại ít nhiều trong sử sách. Song những cái « ghi » ấy chỉ là những cái tóm tắt về chiến-sự mà thôi. Còn về tình cảnh của nhân dân lúc đó ra sao ? mới là việc quan trọng, nhất là tâm trạng của sĩ phu, giới người mà trước đây được coi như là những đàn anh trong nhân dân về phương diện học thuật và tư tưởng.

Nay đề trả lời một phần nào về điểm thắc mắc ấy, chúng ta hãy đọc bài « Gia-định thất thủ phú » này của một người tài mĩ ở đương thời làm ra — một bài mà nội-dung ý nghĩa có tính chất đổi lại lập trường của thực dân, nên suốt trong thời gian chúng có mặt trên vũ đài chính trị ở đây, chỉ được khau truyền trong nhân dân — Người ấy là cụ Phan-văn-Trị, thường gọi là Cử Trị, một nhà thi văn yêu nước nổi tiếng ở Đồng-Nai, Bến Nghé mà tên tuổi đến nay vẫn còn được nhân dân nhắc nhớ, và mỗi khi nói đến không ai là không phải kính phục. Cụ người làng Hạnh-Thông tỉnh Gia-Định sinh năm 1830, thi đỗ cử-nhan năm 1849, và mất tại làng Phong-Điền tỉnh Cần-Thơ năm 1910.

**T**hương thay đất Gia-định !

*Tiếc thay đất Gia-định !*

Vực hóa nén cồn ;

Đất bằng nỗi sóng.

Tàu khói chạy mây tuôn sông mây khúc, lò lạt bến Trâu ;  
Dây thép giăng nhấp nhôáng đất ngàn trùng, ngã xiêu  
thành Phụng.

Bờ cõi phân chia khác mặt, trông ra như quang như mờ ;  
Non sông dời đồi họa mi, tưởng tới đường mê đường mộng.  
Lớp cũ tàn, lớp mới mọc, dọc ngang xe ngựa đất gò bằng ;  
Đấu trước lấp, đấu sau bồi, tan nát chợ nhà trời dày sầm.

Inh ôi súng rền kinh cửa Bắc, hãi hùng trăm họ dứt  
âu ca ;  
Tò le kèn thổi tối trời Nam, man mác năm canh không  
tiếng trống.

Hào kiệt tim phương lánh mặt, sa cơ gió hạc lúc hư  
kinh (1) ;

Anh hùng kiêm chốn ần thận, sút thế nước cờ cơn  
lúng túng.

Từ Bến Thành trải qua Chợ Đũi loài tinh chiên (2) loạn  
xá biết bao nhiêu ;

Nơi Chợ Lớn sắp đến Cầu Kho, quân mợ rợ lầy lùng  
nên quá lầm.

Cầu Bà Nghé cùng nơi Chợ Quán, quân tham tàn đắc  
ý vênh râu :

Chùa Cầm-thảo trải tối Cây-mai, Phật Bồ-Tát chịu nghèo  
ôm bụng.

(1) Tức là nghe tiếng gió thổi, chim hạc kêu mà pháp phòng lo sợ tưởng như giặc tràn đến nơi, như Bồ Kiên vua nhà Tấn trước khi bị quân nhà Tấn đuổi đánh, quân sĩ tới đâu nghe tiếng gió thổi, chim hạc kêu cũng giật mình như quân nhà Tấn đã sát đến bên mình.

(2) Tinh chiên là hôi tanh. Loài tinh chiên là chỉ vào bọn quân cướp nước.

Nơi nơi nỗi xóm mới nhà tây,  
Chốn chốn lập đồn canh ụ súng.  
Ngậm ngùi thay ba bốn làng Gò-vấp, cây cỏ khô, thân  
thể đều khô ;  
Bát ngát nhỉ mười tám thôn Vườn Trầu, hoa trái rung,  
người đời cũng rung.  
Mấy dặm Gò-den, Rạch-kiến, ngọn lửa thiêu sự nghiệp  
tan tành ;  
Đời nơi Rạch-lá, Gò-công, trận gió quét cửa nhà trống  
lỗng.  
Tiếng kêu oan, oan này bởi nước, hồn nhân dân biết  
dựa vào đâu ;  
Thân liều thác, thác cũng vì vua, xương nghĩa sĩ chất  
đà nên đống.  
Sông núi đào, mồ xiêu mả lạc, thương thay người thác  
chẳng yên phần ;  
Đường sá đắp, cửa nát nhà tan, cực bấy kẻ còn khôn  
nỗi sống.  
Sau trước vầy đoàn bạch quý, dân ta đòi bữa đời suy ;  
Đêm ngày ỏi tiếng Lang-sa, thế nó càng ngày càng lộng.  
Cờ Thành-Thang sao không thấy phất, bỏ liều con đẻ  
chông gai ;  
Áo Võ-Vương sao chẳng thấy gầy, nỡ đẻ dân đen bùn  
lấm.  
Đầu trung-nguyên tóc hối còn dài, ơn này nhờ có Bá,  
học Xuân-thu xin chờ kiếm Hoàn-công ;

Tay tả nhãm (3) áo kia khỏi mặc, việc ấy bởi vì ai,  
đọc Luận-ngữ cớ sao chê Quản-trọng.  
Bóng xế đậm ngàn mây man mác, nước non này ai  
thấy cũng buồn ;  
Trời chiều chim chóc nhảy lảng xăng, tình cảnh ấy  
lòng nào chẳng động.  
Ta nay nhân cảm với cuộc đời,  
Vậy nên tả một bài ngẫu vận...

(3) Tả nhãm là khép vạt áo sang bên tả, tục mọi rợ. Câu này lấy tích trong câu nói của Khồng-tử : « Không có Quản-Trọng thì chúng ta sẽ khép vạt áo bên tả hết », có nghĩa là không có Quản-Trọng thì phong hóa suy đồi, văn minh sẽ thành mọi rợ hết.

## Văn tế Nghĩa Quân

Năm 1861 sau khi chiếm được Gia-dịnh và đánh hạ được đại đồn Kỳ-hòa, quân Pháp tiến đánh Mỹ-tho, hạ được thành này và chiếm cứ thị xã Gò-công cùng một lượt với hai xứ Tân-an và Căn-giuộc.

Căm phẫn vì hành-động của Pháp, các nhà ái quốc của ta gồm có các cụ Trương-công-Định, Phan-văn-Đạt, Hồ-huấn-Hiệp, Nguyễn-đình-Chiều, Cai-tông Là vân vân... liền tò chúc Nghĩa Quân chống Pháp ở các vùng Tân-an, Chợ-lớn và Gò-công.

Trận thắng lợi đầu tiên và nỗi tiếng nhất của Nghĩa Quân là trận đánh úp đồn Căn-giuộc đêm 14 tháng 12 năm 1861. Trận này Nghĩa Quân chỉ với khí-giới bằng tầm vông vạc nhọn, giáo mác, nhưng kết quả giết được một trung úy Pháp, đốt cháy được một dãy nhà Việt-gian, giết và làm bị thương trên 50 tên địch. (Nghĩa Quân chết 27 người.)

Trận này tuy không đạt được thắng lợi hoàn toàn như ý muốn, nhưng chính đó là một chiến công oanh liệt vô cùng trên lịch sử. Chiến công này chỉ có tinh thần anh dũng tuyệt đối phát ra từ ý chí yêu nước diệt thù của những con người hy sinh vô điều kiện cho dân tộc và Tổ quốc mới có thể làm được.

Tinh thần ấy đã biểu hiện trên thực tế ra sao? Chúng ta hãy đọc bài văn tế Nghĩa Quân này.

Tác-giả là cụ Nguyễn-đình-Chiều, — sinh năm 1822 ở Gia-dịnh, đỗ tú tài năm 1843, sau bị mù, chuyên sống bằng nghề dạy học và làm thuốc. Khi quân Pháp chiếm Sài-gòn, cụ tản cư về Căn-giuộc, tham gia cuộc khởi nghĩa trên đây. Kể đó cụ giúp các ông Trương-công-Định, Phan-công-Tòng, những vị anh hùng khởi nghĩa chống Pháp ở miền Nam. Sau cụ về ở làng An-đức, huyện Ba-tri, tỉnh Bến-tre và mất năm 1888 — làm cho Bùi-Quang-Diệu thay mặt tuần phủ Gia-dịnh là Đỗ-Quang để điều tể các vong hồn trong trận đánh nói trên. Vì thế bài này cũng có tên là « Văn-tế Nghĩa-sĩ Căn-giuộc ».

Tác-phẩm văn chương lịch sử này sau đó được truyền đi các đạo Nghĩa Quân, và bộ Lễ cho đặt đi khắp các tỉnh Trung, Bắc, xem như một bài hịch kêu gọi sĩ phu và nhân dân toàn quốc đứng lên để giết giặc cứu nước. Và cũng là một bài văn chống Pháp đầu tiên ở nước Việt-Nam vậy.

### HỒI ƠI!

Súng giặc đất rền,

Lòng dân trời tối.

Mười năm công vỡ ruộng, xưa ắt còn danh nỗi như phao,  
Một trận nghĩa đánh Tây, thân tuy mất tiếng vang như mõ.

### NHỚ LINH XƯA

Coi cút làm ăn,

Riêng lo nghèo khổ,

Chưa quen cung ngựa đưa tới trường nhung :

Chỉ biết ruộng trâu ở theo làng hộ ;

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn làm quen ;  
 Tập khiên, tập mác, tập giáo, tập cờ, mắt chưa từng ngó.  
 Tiếng phong hac (1) pháp phồng hơn mười tháng, trông  
 tin quan như hạn trông mưa.  
 Mùi tinh chiên vẩy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà  
 nông ghét cỏ (2).  
 Đêm thấy bóng bong che trăng lớp, những muỗi ăn gan ;  
 Ngày xem ống khói chạy đèn xì, toan ra cắn cồ.  
 Một mỗi xa thơ đồ xộ, há đè ai chém rắn đuổi hươu ; (3)  
 Hai vàng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán  
 chó (4).  
 Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra súc đoạn kính (5)  
 Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay  
 bộ hồ.

(1) Phong hac là gió và chim hac, diền tích do đời Tần, vua Tần là Bồ-Kiên bị tướng nhà Tần là Tạ-Yên đánh bại. Các quân-sĩ khi rút chạy dọc đường nghe tiếng gió thổi chim kêu cũng ngờ là quân Tần.

(2) Thói mọi ở đây là chỉ bọn xâm-lược và Việt-gian lúc đó.

(3) Chém rắn đuổi hươu có nghĩa bóng là dấy binh lên đánh kẻ bạo tàn, diền tích xưa : Vua Hán Cao Tổ khi đem quân đi đánh phá nhà bạo Tần, giữa đường gặp rắn trăng cản đường. Hán Cao Tổ rút gươm chém đứt làm hai khúc. Đêm đến dân chúng miền đó nghe tiếng một bà già khóc kẽ « con ta là Bạch-đế-tử hóa làm rắn cản đường, chẳng may bị ông Xích-đế-tử giết chết. Rắn trăng là điểm ứng chỉ vào nhà Tần. Đuôi hươu cũng chỉ vào nhà Tần vì thời đó thiên hạ thường dùng chữ Tần lọc để gọi vua nhà Tần ».

(4) Treo dê bán chó là chỉ vào bọn quân cướp phá không nghĩ gì đến luân thường đạo lý.

(5) Đoạn kính là chém cá kính, nghĩa bóng chỉ vào việc giết giặc.

KHÁ THƯƠNG THAY !

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo giòng ở linh diễn  
 binh ;  
 Chẳng qua là dân ấp, dân làng, mến nghĩa làm quân chiêu  
 mộ.  
 Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn ;  
 Chín chục trận binh thư, không chờ bài bố.  
 Ngoài cát có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bao  
 ngòi,  
 Trong tay dùng một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu,  
 nón gỗ.  
 Hòa mai đánh bằng rơm con cùi, cũng đốt xong nhà dạy  
 đạo kia ;  
 Gươm đeo dùng một ngọn dao phay, cũng chém đặng đầu  
 quan hai nọ.  
 Chi nhọc quan Quản gióng trống kỳ trống giục, đập rào  
 lợt tới, coi giặc cũng như không.  
 Mặc kệ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào,  
 liều mình như chẳng có.  
 Kẻ đâm ngang, người đâm dọc, làm cho mả tà mả ái hồn  
 kinh.  
 Bọn hò trước, lũ ó sau, trối kệ tàu đồng, tàu chiếc, súng  
 nồi.  
 Những lăm lòng nghĩa sau dùng,  
 Đầu biết xác phàm vội bỏ.  
 Một chắc xa trường rắng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc  
 thay ;  
 Trăm năm âm phủ ấy chữ quy, xá đợi gươm hùm treo mộ.  
 Đoai sông Cần-giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;

Chẳng phải án cướp án gian dày tới, mà vì binh đánh  
giặc cho cam tâm ;  
Vốn không giữ thành giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực theo  
quân cho đáng số.

## NHƯNG NGHĨ RẮNG :

Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta,  
Bát cơm manh áo ở đời, mắc mỏ chi ông cha nó ?  
Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ?  
Vì ai xui hào lũy tan hoang, xiêu mưa ngả gió ?  
Sông làm chi theo quân tâ đạo, quẳng vừa hương, xô  
bàn độc, nghĩ lại thêm buồn ;  
Sông làm chi ở lính mả-tà, chia rượu ngọt, gặm bánh  
mì, nghe càng thêm hổ.  
Thà thác màặng câu dịch khái, yề theo tồ phụ  
cũng vinh,  
Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất  
khô.

## ÔI THÔI THÔI !

Chùa Lão ngỏ năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng  
son gửi lại bóng trăng rằm ;  
Đòn Tây-lương một khắc đặng rửa hòn, túi phận  
bạc trời theo dòng nước đồ.  
Đau đớn mẩy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya  
leo lét trong lều,  
Não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế  
vật vờ trước ngõ.

## ÔI !

Một trận khói tan,  
Nghìn năm tiếc rở,

Binh tướng nó hãy đóng sông Bến-nghé, còn làm  
cho bốn phía mây đen.  
Ông cha ta còn ở đất Đồng-nai, ai cíu đặng một  
phường con đỏ.  
Thế mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh  
cũng đều khen ;  
Thác mà ưng đèn miếu đè thờ, tiếng hay trải muôn  
đời ai cũng mộ.  
Sông đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo  
giúp cơ binh muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;  
Sông thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã  
rành rành một chữ ấm đủ đèn công đó.  
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai  
chữ thiên dân.  
Cây nhang nghĩa khi thắp nén thơm, cảm bởi một  
câu vương thô.

## HỒI ÔI !

Có linh xin hưởng.



## Cáo-thị Cần-Vương

Mùa xuân năm Kỷ Mùi 1859, thực dân Pháp bắt đầu nồ súng xâm lăng nước ta, đồng bào 6 tỉnh miền Nam đang sống trong hòa bình, tinh thế bỗng trở nên nghiêm trọng.

Cuộc chiến-tranh Việt-Pháp diễn ra, kết quả đến năm 1862, vua quan triều Nguyễn vì bất lực trước việc giữ nước phải ký nhượng miền Đông là Gia Định, Biên-hòa và Định-tường cho Pháp. Theo tinh-thần bản kí nhượng này triều đình phải ngưng chỉ các cuộc nổi dậy để kháng của các sĩ phu và dân chúng lại.

Tuy nhiên lệnh của triều đình là lệnh của triều đình, còn việc để kháng cứ là việc để kháng. Quan quân nhà Nguyễn không còn giữ nổi nước, thì nhân dân phải đứng lên giữ lấy.

Bài cáo-thị này của Phong-trào Cần-Vương ở miền Nam ra đời vào khoảng thời-gian ấy và với nội dung tinh-thần là quyết để kháng trên. Chúng ta chưa biết rõ Tác giả là ai, nhưng đọc lại sẽ thấy đồng bào ta nhất là đồng bào miền Nam, đã chiến đấu anh dũng và quyết liệt thế nào đối với một lực lượng xâm lăng thiện nghệ đầy đủ binh lương cùng vũ khí tối tân, mà trong lúc ấy về phần mình chỉ có nón gỗ, dao tu, hỏa mai, đạn cát và một ý chí cứu quốc diệt thù thôi...

Lời truyền cáo thi,  
Nói với sĩ phu.

Nước Nam ta có mối xung thù (1)  
Cùng giặc Tây là loài Di địch (2)  
Bởi chúng nó đem lòng bội nghịch,  
Khiến dân mình gặp thuở loạn ly.  
Chẳng qua là trời bắt gian nguy,  
Cho nên nổi nước nhiều tai nạn.  
Đường tri loạn sách xưa còn bản,  
Lẽ chánh tà đời trước treo gương.  
Làm người không nghĩ xét cho tướng,  
Thà đưa đại lối đường cũng đáng.  
Nó thuở Hung-nô đánh Hán, tướng mạnh như hùm,  
binh đông như cỏ, cướp ải Lang, giành ải Hồ, tới mǎn  
tuồng Nô cũng về Nô;  
Kia khi Đột-quyết quấy Đường, xe đi chật đất, ngựa  
tế đầy đồng, phá trấn Bắc, đốt trấn Đông, chừng rõ  
đám Đột hoàn lại Đột.  
Xa thơ mới hối còn lộn mọt.  
Phong cương này há để chia ba.

### NAY TÂY CÙNG TA :

Muôn trùng non nước cách xa,  
Trăm việc ở ăn lạ thói.  
Tuy lầm tàu đồng ống khói,  
Dẫu nhiều súng thiếc đạn chí,  
Trải sáu tỉnh qua dẹp cõi biển thùy,  
Hơn trăm trận liền hao ngôi tướng soái.

(1) Xung thù là mối thù xông lên nhất định phải báo cho kỹ được.  
(2) Di địch là mọi rợ.

Đời xin ba tinh, lời nào rằng phải ;  
 Bắt họa muôn dân, của mấy cho vừa.  
 Ta hiệp lòng há nhịn thua ư ?  
 Mọi lần chỗ sao đành đẽ vậy ?...  
 Ở đâu mà chẳng thấy phá miếu chùa, đào mồ mả,  
     làm những việc bất nhân ;  
 Ở đâu mà chẳng thấy đốt nhà cửa, hăm vợ con, làm  
     những điều vô đạo.

## HỒI ƠI !

Thành xiêu quách đồ bởi ai gây ?  
 Ruộng nát vườn tan do lũ ráo.  
 Lòng lòng cao xanh, há nỡ đẽ dân ta bứng xáo ?  
 Mênh mông soi xét, lẽ nào cho chúng nó ăn chơi.  
 Xưa nay ai mạnh qua trời,  
 Đầu đó vật đều có chủ.

## NGỎ NAY

Nơi thần kinh ấy nơi thiên phú ;  
 Đức kim thượng là đức thánh tông.  
 Hơn ba mươi tinh hội đồng ;  
 Dư sáu chục năm huệ dưỡng.  
 Văn võ hiếm người làm tướng,  
 Man di nhiều nước đến chầu.  
 Nhờ xưa kia chúng đã cúi đầu,  
 Đến nay lại tay nào trở mặt.

## Ở CÁC TỒNG LÀNG !

Chớ thấy chín tùng hòa nghị mà tấm lòng đích khai  
     vội quên ;  
 Chớ rằng ba tinh trọn vong mà công cuộc báo cừu nỡ bỏ.  
 Nhớ mới thuở, rèn mác trường, đương nón gỗ, lên đường  
     hăm hở ra oai ;  
 Há buổi nay, chạy bạc nén, vén tiền trǎm, vào cửa lom  
     khom tạ nó.

Mặt đâu tới lanh bằng ngày nọ ;  
 Xác nào ra đầu thú hôm nay ?  
 Đã thế nguyện hết sức đánh Tây ;  
 Đầu sợ chết cúi mình theo giặc.  
 Một đường cái há phân Nam, Bắc ;  
 Một tóc tơ nỡ nhuộm xanh vàng !  
 Đừng cho thày Địch thở than, (3)  
 Chớ đẽ họ Nhạc cay đắng. (4)  
 Ông thủy thồ thảy đều mang nặng ;  
 Việc thần dân chớ khă lối nghĩ.  
 Cố bảo nhau gắng giữ lòng bền ;  
 Đừng nghe chúng ra mà đầu thú.  
 Chớ thấy Gò-công thất thủ, mà trở mặt hại nhau;  
 Đừng rằng Bến-nghé an cư, mà đành lòng theo mọi.  
 Sao rằng gian, sao rằng nịnh ? — ai muốn hỏi, hãy nhìn  
     tiêu trên mả Nguy Khôi ; (5)

(3) Tô Địch người đời Tấn, luôn luôn trong lòng ôm chí khí quyết phải đánh tan rợ Hồ đẽ khôi phục Trung-Nguyên.

(4) Túc Nhạc-Phi đời Tống.

(5) Túc Lê-văn-Khôi con nuôi của Lê-văn-Duyệt dấy loạn chống triều đình.

Đau là họa, đau là tai ? — ai muốn hỏi, nên xem bảng  
tại làng Đa-Phước. (6)

Oan nhường ấy, tình nhường ấy, căm thù nhường ấy,  
tình sao trả được mời hài ?

Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, đau nỗi  
bỏ đi sao phải ?

Dẫu có lở sát thời, hãy tìm nơi sơn trại mà tu tập anh  
hùng, sống vì vua, thác vì vua, dốc cùng lòng trước  
sau chẳng trái,

Dẫu có rủi sa cơ, phải xuống dưới tuyền đài, cung phุง  
thờ hương khói, tên còn chép, họ còn chép, đề nức  
danh thơm rọi sáng hoài.

Chờ đê xóm làng cho bạch quỷ vãng lai ;

Chờ đê phần mộ cho Tây dương phá hại.

Khá ra tay mà vừa cột cái,

Tua găng sức chống đỡ tường xiêu.

Đê nghìn năm giằng giặc, vững cơ đồ đất Thuấn trời Nghiêu,

Ngõ muôn kiếp miên miên, bền sự nghiệp thư son khoán  
sắt.

Chữ « đói thiên bất cộng » (7) nghĩ căm căm ruột tim  
gan bầm ;

Câu « giữ quốc đồng ưu » (8) phải khăng khăng lòng ghi  
dạ tac.



(6) *Đa-phước* là tên một làng ở Gò-công, chỗ quân Càn-Vương bắt  
những kẻ theo giặc đem về lên án và xử tử, đương thời nói  
tiếng là chỗ đất trù gian.

(7) Không đội trời chung.

(8) Cùng nước nhà cùng lo.

## Văn tế Trương-công-Định

Bài này ra đời năm 1864, tác-giả cũng là cụ tú tài Nguyễn-  
đinh-Chiều, nhưng nội-dung kè rõ về sự chiến đấu của người anh-  
hùng họ Trương hơn bài liên hoàn « Khúc Trương-công-Định », ở phần  
thi ca trên.

HỒI OI !

Giặc cỏ bò lan,

Tướng quân mắc hại.

Ngọn khói Tây-bang đóng đó,

Cối Biên còn trong đánh sơn lâm ; (1)

Bóng sao vũ khúc về đâu,

Đêm thu vắng tiếng canh dinh trại (2)

NHỚ TƯƠNG QUÂN XƯA

Gặp thuở binh cư

Làm người chí đại.

Tử thuở ở hàng viễn lữ, (3)

Pháp binh trăm trận đã lầu.

(1) Biên là Biên-hòa

(2) Bóng sao vũ khúc là chỉ vào người tướng.

(3) Viễn lữ là chỗ quân lính, ý nói cụ Trương từ hồi còn làm  
linh đã thông hiểu các binh thư đồ trận.

Đến khi ra quản đồn điền,  
Võ nghệ mấy ban đều trǎi (4)  
Lối đánh giặc tới theo quan tổng, trường thi mô súng,  
trộn mấy năm ra súc tranh tiên (5).  
Lúc cuộc tan về ở Tân-hòa, đắp lũy đồn binh, giữ  
một góc bay lòng địch khái (6).  
Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử, chiếu đón ngắn  
mấy dặm mã tiền (7)  
Thương bụng dân phải chịu tướng quân, phò gánh vác  
một vai khôn ngoại (8).  
Gồm ba tỉnh (9) dựng cờ phẩn nghĩa, sĩ phu lăm kẽ  
vui theo,  
Tóm muôn dân gây số mệt binh, Luật định nào ai  
dám trái.  
Văn thời nhờ thương biện, tham biện, giúp các cơ bàn  
bạc việc nhung (10)

(4) Khi ra làm quản cơ trông coi một đồn điền, thì lúc đó võ  
nghệ lại càng thông.

(5) Có công trong việc chống giữ đồn Kỳ-hòa với quan Tông-binhs  
ở đồn này.

(6) Địch khái là đánh giặc.

(7) Dân chúng không bằng lòng về việc triều đình ký hiệp ước  
với Pháp.

(8) Vì nhân dân mới phải ra gánh vác việc binh với cụ Trương  
công-Định.

(9) Gò-công, Tân-an, Mỹ-tho.

(10) Thương biện, tham biện là các chức quan văn trong tổ  
chức cách mạng của cụ Trương.

Võ thời dùng tổng binh, đốc binh, coi mấy đạo sửa  
sang khi giới (11).

### KHÁ THƯƠNG THAY !

Tiền bạc ơn chúa, trót đã rõ ràng (12).  
Ấn bạc muru binh, nào còn trẽ nải,  
Chí lăm đốc cờ xuê lộ bố, chói sắc giữa trào (13),  
Ai muốn đem gươm báu Can-tương, chôn hơi ngoài ải (14).

### HÀ CHẮNG THẤY !

Lũ giặc Lang-sa  
Nhiều phương qui quái.

Đăng dưới nước tàu đồng tàu sắt, súng nổ quá bắp rang,  
Kéo trên bờ mả ni mả tà, đạn bắn như mưa vãi.  
Dầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan đè trúng  
ngàn cân,  
Huống chi cõi lũy ngày nay, đâu dám chắc treo  
mành một dải (15).

Nhưng vậy mà,

Vì nước tẩm thân đã nấy, còn mất cũng cam ;  
Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.  
Rạch-lá, Gò-công mấy trân, người thấy đã kinh;

(11) Tông binh, đốc binh là các cấp bậc của võ quan.

(12) Ý nói về ơn của nhà vua.

(13) Ý muốn nói đem công trạng về cho rực rõ triều đình.

(14) Can-tương là tên của một thanh bảo kiếm.

(15) Vững như một đại đồn cũng còn thua, huống chi như mấy  
chỗ thành lũy nhỏ bé và cheo leo.

Cửa-khâu, Trại-cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.  
 Nào nhọc súc họ Tào biên sô (16) lương tiền nhà ruộng,  
     cho một câu hiếu nghĩa lạc quyên;  
 Nào nhọc quan võ Khổ bình cân, thuốc đạn ghe buôn,  
     quyên bốn chữ giang thương đạo tài (17).  
 Núi đất nứa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt  
     các nơi;  
 Giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe nhung  
     mẩy cái (18).

## THAN ÔI !

Chi dốc đem về non nước cũ, nghe phen hoạn nạn,  
     cây thương phá lỗ (19) chưa lia,  
 Nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhắm mắt lâm chung  
     tấm bảng phong thần vội cái.  
 Chạnh lòng quân sĩ, thương quan tướng, nhắc quan  
     tướng, chiu chít như gà;  
 Bực tri nhân dân, giận thẳng tà, mắng thẳng tà, om sòm  
     như nhái.  
 Sự thế hối bèn Hồ bên Hán, bao giờ về một mối xa thê (20),  
 Phong cương còn nứa Tống nứa Liêu, sao nỡ hại  
     một viên tướng soái (21).

(16) Họ Tào biên sô là người giữ sô đề biên chép về thuế ruộng.

(17) Giang thương đạo tài là chở bằng các ngả đường của ghe buôn.

(18) Đánh giặc bằng tăm vông vạc nhọn.

(19) Cây thương phá lỗ là ngọn giáo đánh giặc.

(20) Sự thế còn nứa Tây nứa ta cũng như bèn Hồ bèn Hán  
     thế này thì đến bao giờ giang san mới thống nhất.(21) Bờ cõi còn nứa Tống nứa Liêu sao đã hại đê mất một  
     tướng soái.

Nào phải kẻ táng sư đầu giặc, mà đê nhục miếu  
     đường;  
 Nào phải người kiều chiểu đánh Phiên, mà gây thù biến  
     tái (22).  
 Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, giận Nam-Phiên phải  
     bắt Nhạc-Phi về (23),  
 Hoặc là lo trăm họ hoành là, bờn U-dịa chẳng cho  
     Dương-Nghiệp lại (24).  
 Vì ai khiến dưa chia khăn xé, nhìn giang sơn ba tỉnh  
     luống thêm buồn (25);  
 Biết thuở nào cờ phất trống rung, hối nhật nguyệt  
     hai vùng sao chẳng đoái (26).  
 Còn chi nứa, cõi có thể riêng than người khóc truỵt,  
     nhắm mắt rồi may rủi một trường không;  
 Thời đã dành, buồn tà dương gấp ghé kẽ day đồng,  
     quay gót lại hơn thua trăm trận bã.

## ÔI !

Làm ra cớ ấy, tạo hóa ghét ghen chi;  
 Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi luy mãi.  
 Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng nhọc nhằn  
     vì nước, nào hòn tiếng thị tiếng phi;

(22) Kiều chiểu đánh Phiên là sự tích tên Tân-Cõi một kẻ  
     gian thần đời Tống làm chiểu vua giả đê đòi Nhạc-Phi về bắt tội.(23) Nhạc-Phi là một danh tướng của nhà Tống phải triệu về như  
     trên.(24) Dương-Nghiệp là danh tướng nhà Nam-Tống đi đánh đắt  
     U. Triều đình sợ trăm họ phải khâm đài vè.

(25) Dưa chia khăn xé là tình hình rối loạn ở trong nước.

(26) Trời đất sao không thương biết đến bao giờ mới lại cõi những  
     trận cờ rung trống phất đê đánh giặc.

Cõi AN-HÀ một chức chịu lãnh binh, lây lắt theo thời,  
chưa chắc đâu thành đâu bại.  
Khóc là khóc nước nhà cơn biến loạn, hôm mai vắng  
chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nhòi;  
Than là than bờ cõi lúc qua phán, ngày tháng trông  
vua, ngờ ngần một phường tớ dài.  
Tướng quân còn đó, các nơi đạo tặc thảy kiêng dè;  
Tướng quân mất rồi, các chõi nghĩa quân thêm bái xái.  
Nàoặng mẩy hời nơi thích lý, màn hùm che mắt  
rắng xuê (27);  
Thà chẳng may một giấc chốn tràng sa, da ngựa bọc  
thây mới phái (28).

ÔI!

Trời Bến-nghé mây mưa sùi sụt, thương dǎng anh hùng  
gặp lúc gian truân;  
Đất Gò-công cây cỏ ủ è, cảm niềm thần tử hết lòng  
trung ái.  
Xưa còn làm tướng, dốc rạng dời hai chữ bình Tây.  
Nay thác theo thần, xin dựng hộ một câu phúc thái.



(27) Chưa được thành công đẽ trở về làng xóm.

(28) Thà chết ở trận mạc đẽ da ngựa bọc thây mới xứng.

## Văn-té lục-tỉnh tử-sĩ đàn

Bài này cũng của cụ Nguyễn-đình-Chiều. Cụ làm đẽ tể chung tất cả các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong các cuộc chống Pháp ở miền Nam. Cụ sáng tác vào năm tháng nào hiện nay không còn ai nhớ rõ.

Theo tục truyền, sau khi bình định xong miền Nam, thực dân Pháp nghe tiếng cụ là người được nhân-dân kính trọng, nên họ tìm cách đem danh lợi lôi kéo cụ đẽ thu phục lòng dân.

Trước tiên, họ bày tỏ cảm tình bằng những bài ca tụng cụ trên những báo Pháp xuất bản ở Sài-gòn và ngỏ ý muốn săn sóc đến đời sống của cụ. Nhưng cụ thẳng tay từ khước.

Nhiều viên chức cao cấp Pháp, Nam muốn tìm gặp. Song cụ đều từ chối hoặc cáo bệnh, hoặc trả lời đi vắng. Bất đắc dĩ phải gặp trường hợp ngồi tiếp như với M. Ponchon, chủ tỉnh Bến-tre, thì cụ giả vờ là điếc và không còn trí nhớ.

Thấy lôi kéo không được, tên Thống-đốc Nam-Kỳ lại cho tên chủ tỉnh Bến-tre đến báo tin cho biết, chính phủ « tân trào » đã xét và hoàn lại những đất của cụ ở làng Tân-Thới, tỉnh Gia-định, nên cho người về nhận. Cụ mỉm cười trả lời:

— Nước mất còn không đòi được thì lấy ruộng làm gì, tôi không nghĩ đến chuyện ấy.

Tên chủ tỉnh Bến-tre lại hỏi cụ muốn gì, nhà nước sẽ giúp cho, cụ nói :

— Nếu nhà nước đã nghĩ đến như vậy thì xin hãy cho tôi được điều tể một tuần những vong hồn người Việt mờ nghĩa, tôi chỉ mong ước được một điều ấy thôi.

Tên chủ tinh bằng lòng, nhưng để nghị đề phàn tò chức thuộc về y.

Cuộc lễ đáng lẽ vào ngày mai, thì trước đó một ngày, vào buồm chiều, cụ ra nhà lồng chợ, sai con thắp một bô nhang trên bàn thờ đề mấy chén nước lạnh, rồi phủ phục đọc bài văn-tế này.

Dân chúng kéo đến xem rất đông, cụ đọc đến đâu, ai nấy đều sa lệ đến đó. Đọc xong, cụ nằm vật ra khóc và xiu đi. Người nhà phải lại vực xuống thuyền chở về.

Sáng mai, tên chủ tinh Bến-tre cho người đem cờ xí, lễ vật xuống đề tò chức theo chương trình đã xếp đặt trước, thi công việc đã rời.

Sở dĩ cụ phải làm như vậy là để nắm vững lấy mục đích và ý nghĩa của cuộc tế, không để bị xuyên tạc và lợi dụng theo cái gọi là giúp đỡ của chính-phủ thực-dân. Nghĩ thật là đáng kinh phục vậy.

### HỒI OI!

Túi phận biến manh (1)

Cẩm loài gian tặc !

Ngoài sáu tinh hãy ngợi câu án đỗ (2), dân nhờ vua  
đặng lẽ sống vui.

Trong một phong sao mắng chữ lục trâm, người vi nước  
rủ nhau chết ngặt.

(1) Biên manh là người mù ở một nơi biên ải, câu này cụ Nguyễn-  
đình-Chiều có ý than thân trách phận mình.

(2) Án đỗ là yên vách, ý bóng chỉ vào trong lúc được yên ổn, mọi  
nhà đều yên vách làm ăn không sợ gì quấy phá.

Nhớ linh xưa.

Tiếng đòn trung nghĩa đến xa,

Thói giữ cương thường làm chắc.

Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng Tân trào (3) gày nợ  
oán cùu ;

Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cựu chúa (4) mang  
lời phản trắc.

Các bậc sĩ, nông, công, cồ, liền mang tai với súng song  
tâm (5),

Mấy nơi tông, lý, xã, thôn, thảy mắc hại cùng cờ tam sắc.

Bọn tam giáo quen theo đường cũ, riêng than bất  
hạnh làm nghèo (6).

Bày cửu lưu cứ giữ nghè xưa, thầm túi vô cõi chịu cực (7).

Phat cho đến người hèn kẽ khó, thâu của quay treo.

Tội chẳng tha con nit đàn bà, đốt nhà bắt vật.

Kẽ mười mấy năm trời khổn khổ, bị khảo, bị tù, bị  
dày, bị giết, trẻ già nào siết đếm tên,

(3) Tân trào là trào mới, người Pháp khi mới sang xâm chiếm nước ta, bọn chúng tự xưng là Tân trào.

(4) Cựu chúa là chủ cũ, chỉ vào nhà Nguyễn, vì đất Nam-Kỳ khi đó đang ở trong tay vua nhà Nguyễn bỗng phải bị sa vào tay thực dân Pháp.

(5) Song tâm là súng hai lòng.

(6) Tam giáo là Nho, Đạo, Thích, câu này có ý trách những người trong giới Nho Đạo Thích ở trước họa xâm lăng mà không làm gì được, chỉ than thân phận, đồ lỗi cho tại trời mà thôi.

(7) Cửu lưu là những tay nhân sĩ có học nho hối đó. So với các ông trong tam giáo, các ông này cũng chẳng có hơn gì ở trước nạn gia vong quốc phá.

Đem ba tắc hơi mọn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển,  
hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thảy đều rơi nước mắt.

### KHÁ THƯƠNG THAY!

Dân sa nước lửa chảy ngày,  
Giặc ép mõ dầu hết sicc.  
Đành những kẻ cha thù anh oán, nhầy vòng báo ứng  
đã cam;  
Cực cho người vợ yếu con côi, gây đoạn thảm sầu  
không dứt.  
Man mác trăm chiều phu sự, sống những lo trả nợ cho đời,  
Phôi pha một mảnh hình hài, thác rời bỏ làm phân cho đất.  
Nghĩ nỗi anh hùng nan nước, bã khô lâu nào kẻ  
khóc than!  
Trưởng câu danh lợi muôn đời, trường quy lụy mặc  
ai náo nức.

ÔI !

Lòng nghĩa dân thảo với ngô quân,  
Tiếng nghịch đảng lỗi cùng địch vúc (8).  
Gần Côn-lon, xa Đại-hải, máu thây trời nỗi ai nhìn?  
Hàng cai đói, bậc quản cơ, xương thịt rã rời ai cắt?  
Sống thời chịu tuyết sương trời một góc, khó đem  
sừng ngựa chịu quy kỳ (9),  
Thác rời theo mưa ngút biển muôn trùng, khôn mượn  
thơ nhàn đem tin tức.

(8) Nhà Nguyễn chủ hòa, nhưng nhân dân thì lại chủ chiến, vì thế nên mới có câu: tiếng nghịch đảng lỗi cùng địch vúc.

(9) Sống thời phải gian nan vất vả vì non nước, tới lúc thác đi lại cũng không được có thư từ tin tức.

Thấp thoáng hồn hoa bóng quế, lòng cổ hương gửi lại  
bóng trăng râm,  
Bơ vơ nước quý non ma, hơi âm sát về theo luồng gió bắc.

### NHƯ VẬY THỜI

Số dầu theo sáu nẻo luân hồi (10),  
Khi sao đê trăm năm uất ức (11).  
Trời Gia-định ngày chiều rạng ráng, âm hồn theo con  
bóng ác vật vờ;  
Đất Biên-hòa đêm vắng sao lu, oan quý nhóm ngọn  
đèn thần hiu hắt.  
An-hà quận đang khi bạch trú (12) gió cây vụt thổi,  
cát bụi tung, con trót dậy bên thành,  
Lòng Trường giang mỗi buổi hoàng hôn, khói nước xông  
mù, lửa đốm nhang, binh ma chèo dưới vực.

ÔI !

Nhin mây chặng cờ lau, trống sấm (13), mỉa mai trận  
nghĩa gởi binh tĩnh,  
Thảm đói ngàn ngựa gió, xe mây, mường tượng vong  
linh về chiến luật.  
Người lạc phách theo miền giang hải, cung ngao lâu  
thần, dành một câu thân thế phù trầm,  
Kẻ du hồn ở chốn sơn lâm, lũy kiến đồn ong, còn  
bốn chữ ám dương phảng phát.

(10) Sáu nẻo luân hồi là thiên đạo, địa đạo, quý đạo, thần đạo, nhân đạo, vật đạo.

(11) Số dầu theo sáu nẻo luân hồi đê đầu thai cũng được, nhưng sao đời sống lại phải đành chịu những uất ức.

(12) Bạch trú là ban ngày.

(13) Cờ lau trống sấm là chỉ vào những đạo nghĩa quân.

## TRỜI ĐẤT ƠI !

Sống muốn cho yên,  
Thác sao rắng bức,  
Dẫu sớm thấy ngọn cờ điếu phạt, (14) phận thần dân  
đâu chẳng toan còn ;  
Chưa kịp nghe tiếng trống an nhương, (15) nghĩa quân  
phu nào dè thác mất.  
Hoặc là sợ như đất triều Tần mờ Sở (16), cuộc can  
qua sống ở những ghê minh ;  
Hoặc là lo như trời nam Tống, bắc Kim, binh cách thác  
đi cho khuất mắt (17).  
Tiếc non nước ấy, nhân dân nhường ấy, gày sự này  
nào thấy phép tẩy oan ;  
Biết cha mẹ đâu, tộc loại ở đâu, chạnh tinh đó mới  
ra ơn điếu tuất (18).  
Tuy uồng mạng, hãy chờ khi sách mạng (19), săn vòng  
quả báo vắn vương,  
Song oan hồn chưa có kẽ chiêu hồn, khiến tấm linh  
bài (20) bức túc.

(14) Điếu phạt là thăm dân đe đánh kẻ có tội. Sự tích do sách Tam vương Kỷ. Quân của vua Thang đánh vua Kiệt, quân của vua Võ đánh vua Trụ, gọi là quân điếu phạt.

(15) An nhương là dẹp tan giặc giã để đem lại thái bình.

(16) Sáng thì Tần, chiều thì Sở.

(17) Phương Nam thì Tống, phương Bắc thì Kim. Ý câu này chỉ vào tình hình trong nước đang rối loạn.

(18) Điếu tuất là thương xót.

(19) Sách mạng là đòi lại mạng sống.

(20) Linh bài là cái bài vị đe thờ những người chết.

Nhờ phận áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng chờ  
trong quan (21),  
So bề mồ mả ông cha, còn hơn đưa đành lòng theo giặc.

## NGHĨ NAY

Cám cảnh nam trung,  
Trách lòng tạo vật,  
Vì như Vĩ sinh đời Đông Tấn nay đánh Hồ, mai dẹp  
Yết, thời phơi gan trong đám tinh chiên (22),  
Nào phải dân ở cõi U-yên, sớm đầu Hạ, tối đầu Liêu,  
mà trải mặt bên đường kinh-cúc (23).

Phải trời cho mượn cái huyền phá lỗ,  
Trương tướng quân còn cuộc nghĩa binh.  
Ít người đăng xem tấm bảng phong thần,  
Phan học-sĩ hết lòng mưu quốc (24).  
Muôn dặm giang sơn trào thánh đó, giang sơn còn  
hơi thánh hấy còn,  
Ngàn năm hồn phách nạn dân nào, hồn phách mất  
tiếng dân nào mất !  
Dẫu nặng ơn nhuần khô cốt, cơn tri bình nào thấy  
đạo Vương (25),

(21) Mấy năm trời nhân dân tự động đánh giặc, mà triều đình không tiếp tay giúp đỡ.

(22) Tinh chiên là hôi tanh, ý chỉ vào giặc giã.

(23) Kinh-cúc là con đường gai góc.

(24) Phan học-sĩ là cụ Phan Thành-Giản.

(25) Đạo Vương là lối cai trị của đời Tam Vương, lối cai trị làm cho thiên hạ được âu ca thái bình.

Muốn cho phép với linh hồn, buỗi ly loạn khôn cầu  
kinh Phật (26).

ÔI !

Trời xuống nàn quỷ trăng mẩy năm ;

Người uống hận suối vàng lấp bức.

Cảnh Nam thô phơi màu hoa thảo, động tình oan, nửa  
úa nửa tươi ;

Cõi Thiên nhai treo bức vân-hà, kết hơi oán, chẳng  
thura chẳng nhặt.

Ngày giờ thời lao xao tin dã-mã (27) thoát nhóm thoát  
tan, thoát lui thoát tới, như tuồng bán dạng tinh linh.

Đêm trăng mờ giéo giắt tiếng đỗ quyên (28) nhường  
hởnh nhường oán, nhường khóc nhường than, đòi đoạn tổ  
tinh oan khuất.

Xưa nghe có bến sông Vị-Thủy, lấy lẽ nhân đầu, tế  
đảng hồn oan (29),

(26) Trong buỗi giặc giã cũng không biết làm sao mà cầu Phật  
để giải oan kết đoạn.

(27) Dã mã là ngựa đồng, ý chỉ vào những đám nghĩa quân  
còn sót lại ở nay đây mai đó.

(28) Đỗ quyên là tiếng cuốc kêu.

(29) Sự tích đời Tam-Quốc, khi Khổng-Minh đánh tan Mạnh-Hoạch,  
lúc trở về qua sông Vị-Thủy gặp sóng gió dữ không qua được,  
phải lầy sỏi nặn thành hình đầu người để tế các oan hồn chiến  
sĩ trận vong, sóng gió mới im lặng.

Nay biết đâu bãi cát Trường-sa, mượn của âm phủ,  
độ bè quý ức.

Đốt lọn nhang trần, trời đất chứng, chút gọi là làm  
lẽ vãng vong,

Đọc bài văn tế, quỷ thần soi, xin hệ đó theo đường  
âm chất (30).



(30) Âm chất là đường tiêu diệu nơi tiên cảnh cực lạc.

Họa là trời sanh thánh đế, theo vua Tuyên (7) nồi trận huy  
qua,  
Cũng vì nước sẵn anh hùng, so ông Mục (8) giơ tay  
trương ná.  
Nào những kẻ xông pha trận địa, cờ công huân còn  
rực rõ y thường.  
Nào những người chống vững cõ thành, miếu trung  
liệt vẫn ngọt ngào hương hỏa;  
Tuy trải đời xa cách, mảnh gương trung còn soi kẻ gian  
hùng,  
Đúng muôn kiếp khôn thiêng, chiếc gươm báu mượn  
lấy đầu phản trá.

## NAY MỪNG :

Vua sẵn tính cao,  
Tôi sum tài lạ.  
Văn thi ông Cử, ông Nghè, ông Hoàng, ông Bảng, khoa  
trước khoa sau;  
Võ ròng ông Quản, ông Lãnh, ông Thống, ông Đè, phàm  
kia phẩm nọ.  
Có mũ, có xiêm, có cờ, có biền, rõ ràng khoa mục  
phong lưu.  
Nào phủ, nào việt, nào ủng, nào hia, chinh chém triều  
đình danh giá.  
Gươm bạc tó đầu hổ, dàn trước mặt cũng oai linh,  
Lọng xanh kéo cổ gà, che trên đầu càng nghiêm nhã!

(7) Tức Tuyên-Vương nhà Châu.

(8) Tức Lạc-Mục tướng của Hoàng-Đế xưa : người có sức  
khoẻ dương nồi cây nỏ nghìn cân đè đánh với Suy-Viu.

Kẻ ở ngoài biên ra súc, chi giác Tôn, Ngô (9)  
Người vào trong các bày mưu, mắt không Đồng, Giả. (10)  
Văn võ ấy mà giang sơn ấy, dẫu hùng binh Ô-Mã  
(11) có làm gì ?  
Thành quách này lại giáp binh này, dẫu cường lỗ  
Hoàng-Sào coi chẳng sá !  
Quái nhĩ Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nội,  
thành vàng áo nóng mấy lần ! (12)  
Kia như Tồng-đốc, Bố-chánh, Án-sát, Lãnh-binh, tiền  
bồng gạo lương bao tá ?  
Sao thấy thằng đầu trọc, răng trắng, gối run như  
mắc chứng phong kinh ?  
Sao thấy thằng mũi lỗ, tóc quăn, mặt xám lại như  
hình lôi đá.  
Nghe cửa Tiền rầm pháo nồ, ngọn cờ theo gió phất  
xuôi ;  
Mở nỏ Hậu cho quân lui, bỏ giáo rơi đường tơi tả.  
Nghĩ trộm ra ngoài là phúc, quản bao dạn mặt dạn  
mày ;  
Mừng thầm thoát nạn là may, thế cũng nhờ mồ  
nhờ mả !  
Có trách chi những người phủ huyền, giặc nào đòi  
quả ăn đem dâng ;

(9) Tức Tôn-Vũ và Ngô-Khởi, hai người dùng binh nồi tiếng ở  
Trung-quốc thời xưa, người đời thường gọi là Tôn Ngô.(10) Tức Đồng-trọng-Thư và Giả-Nghi, hai bức nho-thần nồi  
tiếng đời Tây-Hán.

(11) Tức Ô-mã-Nhi.

(12) Ý nói thành trì rất bền vững.

Có trách chi nhũng kẻ thân hào, sông chửa cả, mái  
chèo đã ngả.

Thôi nhũng là nào Nghè, nào Cử, cờ tam tài (13) ra  
sức chào mừng;

Cũng không nên chốn nọ, chốn kia, chiếu từ khoảnh  
(14) tranh nhau truyền tâ.

Nghĩ đi đã ngán cho đời;

Xét lại càng thêm tức da.

Người tai mắt đứng trong thiên địa, đạo không còn  
một chút một ly;

Khách tần thân (15) xứ chốn cương thường, nghĩa coi  
nhẹ như rơm như rạ.

Nào nhũng lúc quay mặt chào hướng Bắc, (16) đã  
mừng thăm cá nước rồng mây,

Sao đến khi đem đầu lạy quan Tây mà chẳng hổ bảng  
vàng bia đá?

Nào nhũng lúc đeo quyền, đeo ấn (17), đã lăm le vượt  
khỏi Trương, Hán, (18)

(13) Tức cờ Pháp.

(14) Tức thi chiếu của nhà vua xướng cho nhân dân biết đã ký 4 điều  
khoản thỏa hiệp với Pháp, khuyên nhân dân đừng chống lại giặc  
nữa.

(15) Tần thân là nhũng người Nho sĩ.

(16) Chào hướng bắc tức bái mạng nhà vua, vì các vua xưa thường  
ngощnh mặt hướng Nam, nên các quan mỗi lần vào chầu là  
ngощnh mặt hướng Bắc.

(17) Đeo quyền tức đeo ống quyền vào dự các khoa thi. Đeo ấn là  
làm quan.

(18) Tức Trương-Lương, Hán-Tin.

Sao đến khi bỏ tinh bỏ thành, lại ngờ ngần như thằng  
Man-Xá ? (19)

Dẫu thấp hèn rắng linh, rắng binh, rắng phu, rắng tráng,  
cũng không nên dạ cá lòng chim;

Huống rõ ràng là vua, là tôi, là cha, là con, sao như  
thề người dung nước lá?

### THƯƠNG ÔI !

Bảy ba năm áo dày cơm nặng, xiết bao bề rộng non cao;  
Một chớp nhoáng đất lở trời long, mới biết kẻ hư người  
khá.

Trong bốn tinh biết bao ông cả, há rắng không có chí  
can thành;

Giữa tháng mười chưa hết ba tuần, sao bỗng nỡ rời  
tay then khóa ?

Hay là vốn không chi đánh, thét gào rắng gò, rắng ụ  
chỉ gio súng sập hò voi;

Hay là vốn sẵn chước hòa, lẵn quần xin cối, xin chày,  
quen dắt bò vàng đón cửa ?

Hay là rửa tinh mê chưa sạch, tham bạc rắng, tham  
sống cũng rắng;

Hay là làm chi cả chưa khôn, khiếp chết rửa, khiếp  
Tây cũng rửa ?

Hắn có lòng son dạ sắt, lập trận kia, bày trận nợ, dẫu  
giặc trời khôn ăn lánh thiên đường;

Bởi vì chí đọa khi ngu, thấy giặc sợ, nói giặc kinh, đe  
cường bạo quấy hôi miền Nam-thò.

(19) Ý nói bọn ngu xi chẳng biết gì, như lũ Man lũ Mọi.

DẶN AI :

Theo dấu y thường,  
Vực xe lang hồ.

Vì nước thủy chung cùng nước, họa là thiên hạ bao dung ;  
Giữ thành sống chết cùng thành ; chờ đê giang sơn  
hảm nộ !



## **Văn-té tưồng Ngạc-Nhi**

Ngạc-Nhi túc là Francis Garnier, tên tướng thực dân Pháp từ Sài-gòn được phái đem binh ra Hà-nội để can thiệp vào vụ J. Dupuis không được nhà cầm quyền ta cho phép chở hàng lên Vân-Nam bằng đường sông Hồng-Hà, để xâm chiếm Bắc-Kỳ. Y ra lệnh đánh thành Hà-nội, và sau đó bị quân Cờ Đen phục kích giết chết ở Cầu Giấy (ngoại ô Hà-nội) như đã nói ở trong bài « Hà thành thất thủ ca ».

Theo cụ Phạm-trung-Hợp (túc Đồ Huyên) người làng Dũng-quyết, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt) là môn đệ của cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền, và đã từng tham gia phong trào Văn-thân kè lại thì bài văn tế này của cụ Tam-nguyên Nguyễn-Khuynh người làng Yên-Đồ, huyện Bình-Lục tỉnh Hà-Nam (quê cụ Tam-Nguyên và quê cụ Phạm-trung-Hợp ở gần nhau, và hai gia đình vốn có tình thế giao). Và nguyên do được kè lại rằng : Sau khi ký hòa ước Việt-Pháp, các quan ta tại Hà-thành mới tổ chức một cuộc lễ truy diệu Francis Garnier để lấy lòng người Pháp. Quan Tông-đốc Hà-nội là Trần-đinh-Túc, người so Tây khét tiếng, cử cụ làm một vài văn tế. Cụ phải nghe lời, vì đây dù sao đi nữa, cuộc tế này cũng do lệnh cùu trùng.

Bài văn tế này rất ngắn, nhưng rất lạ, nhất là thoát hẳn với các thè tài văn tế khác xưa nay, kè cả nội dung lẫn hình thức, và rất sát với thực tế, với những nét đặc biệt của một tên thực dân.

Lời văn thật là bình dị và mỉa mai, suốt cả toàn bài không có một điền tích hay một sáo ngữ nào.

Bảo rằng là tể. Nhưng thật là gọi ra mà chửi. Nhất là lại bảo « ăn no uống say » để rồi « nằm cho yên ô » thì có khác nào như bảo lũ chó chết.

Bài này tuy sau không có sách báo nào dám in, song còn được là do sự truyền tụng của đồng bào. Đồng bào đã thích, đã đọc, đã ham mê thì có trời mà cấm.

### Ô HÔ !

Cái mắt ông xanh,  
Cái da ông đỏ,  
Cái tóc ông quăn,  
Cái mũi ông lõ.  
Đít ông cưỡi lừa,  
Miệng ông huýt chó,  
Lưng ông đeo súng lục liên,  
Chân ông đi giày có mỏ.  
Ông ở bên Tây,  
Ông sang bảo hộ,  
Ông dẹp Cờ đen,  
Để yên con đỏ.

### NÀO NGỜ

Nó bắt được ông,  
Nó chặt mất sô.

Cái đầu ông kia,  
Cái mình ông đó,  
Khốn khổ thân ông,  
Đù mẹ cha nó.

### TÔI

Vâng lệnh quan trên,  
Cúng ông một cỗ :  
Này chuối một buồng,  
Này rượu một hũ ;  
Này xôi một mâm,  
Này trứng một rồ.  
Ông có linh thiêng,  
Mời ông sơi hộ.  
Ăn no uống say,  
Nằm cho yên ô.  
Ói ông Ngạc-Nhi ơi !  
Nói càng thêm khổ !



## Hịch Cần-Vương

Bài này của cụ nghè Tống-duy-Tân viết năm 1885 sau khi kinh thành Huế thất thủ. Tôn-thất Thuyết hộ giá vua Hàm-Nghi ra vùng Nghệ-Tĩnh để mưu đồ kháng chiến.

Cụ nghè Tống người làng Bồng-Trung, phủ Quảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa (Trung-Việt) là một lãnh-tụ của phong trào Cần-Vương chống Pháp, đã cùng với Đinh-công-Tráng thành lập chiến-khu Ba-Định và đánh cho Pháp những trận đòn chí tử.

Sau khi chiến khu Ba-Định bị triệt hạ (1887) cụ chạy ra Bắc, rồi năm 1889, lại trở về Thanh-hóa lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nông-Công. Được hơn một năm, cụ bị tên học trò Cao-ngọc-Lẽ làm phản, ra hàng giặc, chỉ chở cho bọn chúng bắt cụ. Cụ bị hành hình ở Thanh-hóa ngày mồng 3 tháng 9 năm 1892. Thân sĩ đương thời tiếc cụ vô cùng, và thù ghét cái dã tâm của tên Cao-ngọc-Lẽ nên có câu đối rằng :

Vô địa khả mai Cao-ngọc-Lẽ.

Hữu tiền nan mãi Tống-duy-Tân.

Nghĩa là không chỗ đất nào để có thể chôn Cao-ngọc-Lẽ được, dẫu có bao nhiêu tiền cũng không thể mua được người như Tống-duy-Tân vậy.

(1)

(1) Những hàng này là những đoạn mất.

Tưởng nỗi thái hòa tại vũ, bể khuông phù phó mặc  
khách thiên chung (2)  
Đến khi di địch loan Hoa, xương tiết nghĩa phải ra  
tay lục quán (3).  
Nhà hầu đồ con còn biết chồng, đâu đê cha cậy cõ  
Tôn, Ngô (4)  
Nước đang nguy tôi phải ra phò, há phiền chúa nhờ  
tay Pha, Mục (5).  
Lỗ-trọng-Liên nghĩa bất đế Tân, phận nho giả mà lòng  
lo vũ trụ ; (6)  
Văn-thiên-Tường trung phù nhà Tống, bước lưu ly đê  
vai gánh cương thường.  
Vua còn đang điên bái long dong ;  
Ta há lẽ chiên cùu hạt hạ (7).  
Trước đã có ba nghìn hồ bái, giúp rồng bay còn  
giữ khói lang,  
Sau lại thêm hai cõi tắm ăn, đoái tả trách còn ghi  
dấu thỏ.

(2) Người làm quan.

(3) Tài lượt thao.

(4) Tôn-Vũ và Ngô-Khổi, hai nhà dụng binh nổi tiếng thời Xuân-Thu Chiến-quốc.

(5) Liêm-Pha và Lý-Mục hai người danh nức Triệu xưa.

(6) Lỗ-trọng-Liên, danh sĩ thời Chiến-quốc không chịu theo nhà Tân.

(7) Nghĩa là không thể sống sung sướng lấy riêng mình trong cảnh cơm ngon áo cùu đực.

Câu kiến nghĩa bất vi vô dũng,  
Chữ tội nhân gai đắc nhi chung.  
Giận man di tìm thói cùu Chu (8) ;  
Ghét tả đạo bàn mưu trợ Kiệt (9).  
.

Nếu đề Tây-dương đắc chí, ngũ kinh không khỏi  
lửa Tần ;  
Bằng cho Pháp tặc hoành hành, bách tính ắt treo  
cửa Khồng.  
.



(8) Thủ nhà Chu.

(9) Giúp kế thêm cho vua Kiệt nhà Hạ làm ác.

## Văn-tế ông Cao-Thắng

Cao-Thắng là một tướng tâm phúc và thao lược nhất của Phan-đinh-Phùng, người anh hùng dân tộc đã lãnh đạo 10 năm kháng chiến ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh. Ông người làng Lệ-động, huyện Hương-son, tỉnh Hà-tĩnh. Khi cụ Phan khởi nghĩa, ông cùng em là Cao-Nữu và bạn là Nguyễn-Kiều ra theo, được phong chức quản cơ. Lúc cụ Phan thua quân phải tạm lánh ra Bắc, ông ở lại củng cố quân lực, gây dựng cơ sở và mở xưởng làm súng theo kiểu Âu-Tây, rồi cho người đem mật thư ra Bắc đón cụ Phan về để tiếp tục kháng chiến. Ông lập được nhiều chiến công oanh liệt làm chấn động dư luận khắp nơi. Nhưng đến khoảng tháng 10 năm 1893, ông đem quân đi đánh thành Nghệ-an thì chẳng may bị đạn mà mất. Năm ấy mới 29 tuổi. Thi-hài ông được Nghĩa quân đem an táng tại núi Ngàn Tươi (tức Vụ-Quang).

Bài văn tế bằng quốc âm sau này là bài cụ Phan sai ông Võ-Phát (đậu cử nhân Võ, nhưng rất giỏi văn chương, theo cụ Phan đóng quân ở Kỳ-anh, sau thất trận bị bắt rồi bị chém tại Thừa-Thiên) làm đền tế trong ngày lễ phát tang.

### THAN RĂNG :

Thanh bảo kiếm mười năm săn có, đắng anh hùng dùi  
mài mãi chưa thôi ;  
Áng nhung trường một phút như không, con tạo hóa  
ghét ghen chi lầm thế !

## THÔI THÔI !

Cửa tia lầu vàng đành kẽ khuất, đem thân bách chiến,  
đè tiếng thơm cho vẹn cuộc trần ai ;  
Súng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lệnh tam  
quân, dốc chi cả đè xây nền bình trị.  
Thương ôi là thương !  
Kẽ sao xiết kẽ !

**Danh sơn Lương Ngọc Phú**

Bốn chữ « Danh sơn lương ngọc » này là đầu đề một bài phú của các quan tỉnh Bình-Định khảo hạch học trò năm Ất Tỵ, dương lịch 1905. Khi ấy các cụ Trần-quý-Cáp, Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Khang và ông Tú Huỳnh-thường-Trung (người Phú-Yên, học trò của cụ Trần) trên đường vào Nam đè hoạt-động cách-mạng, tới Bình-Định, các cụ thấy các quan Đốc tỉnh này đang sát hạch học trò toàn tỉnh bằng đầu bài phú ấy và bài thơ « Chi thành thông thánh ». Các cụ liền ghé vào thi đè mượn những đề tài này tỏ nỗi lòng trước thời sự, và đánh thức đồng bào đang mê ngủ. Các cụ ký tên là Đào-mộng-Giác, cụ Phan thì làm bài thơ « Chi thành thông thánh ». Còn hai cụ Trần, Huỳnh thì làm bài phú này giao cho ông Tú Trung viết, rồi do một người quen đem nạp lẵn vào với các quyền của các thí sinh khác.

Các quan tỉnh Bình-Định khi chấm đến những bài này, ai nấy cũng vừa xấu hổ vừa tức giận, nhưng không cách nào tìm được thủ phạm, ngoài việc xét hỏi các thí sinh họ Đào. Cuối cùng các quan phải ém đi, ém đi thật kỹ, nhưng kết quả câu chuyện ấy và những bài thơ phú ấy vẫn được truyền đi khắp các tỉnh Trung-Kỳ, rồi lan đi cả nước, mặc dù bị nghiêm cấm rất ngặt.

Trong tập này, khi nhắc đến truyện trên đây, đáng lẽ phải kẽ cả bài thơ « Chi thành thông thánh » của cụ Phan. Nhưng bài ấy, chúng tôi thấy đã có nhiều sách và nhiều báo nhắc đến, nên ở đây, chúng tôi chỉ xin đè một bài phú « Danh sơn lương ngọc » này mà thôi.

**Nguyên tác bằng Hán văn**

Ô HỒ !

Quân bất kiến ngô đồng bào chi Á-tế-Á châu ;  
 Anh hùng độc lập ;  
 Chí sĩ đồng cùu.  
 Dĩ thời cuộc biến ;  
 Dĩ nhân loại ưu.  
 Xiêm tự cường ư Nam Khiếu ;  
 Hàn tự lập ư Đông Châu.  
 Nam Hải tiên sinh, cỗ phong trào ư Trung-Quốc,  
 Cao sơn liệt sĩ, trường thống khắp ư Nhật du.  
 Nhân giai tri sĩ ;  
 Ngã độc vong tu.  
 Khởi yến đường chí khả lạc,  
 Tương lộc mộng hè yên cầu ?

Tự ngã Việt chí lập quốc  
 Xứ Đông-Á chí nhất phượng.  
 Hạ từ Trần, Lê ;  
 Thương tổ Hồng-Bàng.  
 Nhân tâm thuần phác ;  
 Sĩ khí quật cường.  
 Trục Tô-Định ư Lĩnh-biều ;  
 Cầm Mã-Nhi ư Phú-lương.  
 Kỳ chí nhi Chiêm-thành thất hiềm ;  
 Qua huy nhi Chân-lạp phân cương.

Tráng tai ngô quốc !  
 Khởi nhượng nhân trường.  
 Tự nhất thời chí thất sách,  
 Thực vạn cỗ chí di ương !

Tục thượng văn chương ;  
 Sĩ xu khoa mục.  
 Tiều cỗ bát cỗ, chung nhật ngu ngu ;  
 Ngũ ngôn thất ngôn, cùng niên trục trục.  
 Văn sách ngưỡng trường quan chí tí túc, khả thi  
 khả phi,  
 Từ phú thập Bắc nhân chí khóa dư, phi tú phi lục.  
 Nhiều nhiêu lợi danh chí bối, Tề thị quốc kim,  
 Thao thao hào kiệt chí đồ, Sở định hiến ngọc.  
 Cái bất duy phi vinh gia sủng lợi lộc giả vi dương  
 đồ chí trục trục ;  
 Nhị thả khu sở thập vạn hồng tử chí thân khâm ;  
 Quần nhi nạp chí sở thiên trùng hắc ám chí địa ngục.

Dĩ nhược sở vi ;  
 Cầu nhược sở dục.  
 Bình hà dĩ cường ?  
 Tài hà dĩ túc ?  
 Tri lự hà dĩ khai ?  
 Nhân tài hà dĩ dục ?

TA HỒ ! — THỐNG TAI !

Lưu thiên dĩ hữu kim nhật chí sĩ nhục ;  
 Thủ khải chí cao nhi lưu chí độc giả ?



**Bài dịch của Thái-Bạch**

THAN ÔI !

Người chẳng thấy ! hiện thời chau Á tể Á ta ;  
 Anh hùng mưu sự độc lập ;  
 Chí sĩ toan việc báo cùu.  
 Thương vi cuộc biến ;  
 Lo vì nhân loại.  
 Kia phía Nam, nước Xiêm tự cường ;  
 Nộ cõi Đông, nước Hán tự chủ.  
 Nam Hải tiên sinh, cồ võ phong trào bên Trung Quốc,  
 Cao Sơn liệt sĩ, khóc than kêu gọi đất Phù Tang.  
 Xấu kia, người đều biết cả.  
 Hồ này, ta lẽ quên sao ?...  
 Vui gì yến tiệc linh đình ;  
 Tốt chi danh vọng luồn cuí !

Nước Việt ta từ thời lập quốc,  
 Ở một phương trời cõi Á-Đông.  
 Từ Trần, Lê trở lên ;  
 Tự Hồng-Bàng trở xuống.  
 Nhân tâm thuần phác ;  
 Sĩ khí quật cường.  
 Thành Lĩnh-biều đuôi quân Tô-Định ;  
 Sông Phú-lương bắt tướng Mã-Nhi,  
 Vó ngựa ruồi, Chiêm-Thành lùi bước ;  
 Ngọn gió đưa, Chân-Lạp chia bờ.

Mạnh thay dòng giống nước ta,  
 Đâu có thua gì kẻ khác.  
 Tiếc chỉ sai lầm một lúc ;  
 Mà gây họa đê muôn đời.

Tuc còn ưa thích văn chương ;  
 Sĩ vẫn say mê khoa mục.  
 Ngày đêm điền tích miệt mài ;  
 Năm tháng phú thơ căm cụi.  
 Sách văn hay dở, cuí đầu theo miệng trường quan ;  
 Lời lẽ nên chăng, nhắm mắt học thừa Trung-quốc.  
 Ồn ào tranh miếng lợi danh, toàn đồ kẻ cắp ;  
 Bô bô lên giọng hào kiệt, cả lũ lung khom.  
 Rõ ràng bọn túi cơm già áo, lăn mình vào đợi chủ  
 Tây sai ;  
 Thật đúng phường mặt ngựa đầu trâu, đành dạ đê xô  
 hầm con đỗ.

Hành vi thế ấy !  
 Tâm địa nhường kia.  
 Bình làm sao mạnh ?  
 Của làm sao giàu ?  
 Tri tuệ sao mỏ mang ?  
 Nhân tài sao dường đức ?

**THAN ÔI ! — ĐAU ĐỚN LỄ !**

Nghĩ nhục tẩy trời nay còn đó ;  
 Nên có lời tỏ rõ cho hay :

Sự thế nhường nay,  
Lòng người căm giận.  
Ngày này ngày khác,  
Thuế nợ thuế kia.  
Xương thịt đẽo chẳng còn gì,  
Máu mổ hút còn chi nữa.  
Nhân dân ngâm đắng nuốt hòn ;  
Quan lại co đầu rụt cổ.  
Mũ kia buổi sớm ban cho ;  
Hốt nợ chiều hôm giựt lại.  
Người minh xem trọng như thần ;  
Lũ nó coi khinh hơn vật.  
Hối đã muộn rồi, mèo cắn rún nghĩ làm sao kịp ;  
Thế đà như vậy, lửa cháy mày biết gõ được chẳng !  
Cho nên phải đau lòng xót ruột ;  
Phải vẽ vời theo nghĩa quyên sinh.  
Dưới hàng sỹ tử,  
Trên đám công khanh.  
Ném bút đứng dậy !  
Liệng mũ vung lên.  
Chứng tham tàn, quan lại bỏ đi thôi !  
Bệnh phù danh, sĩ dân đứng mắc nữa.  
Hơi tàn gắng dậy, để chờ ngày cứu nước vớt dân ;  
Sống nhục vui chi, chẳng thà để phơi gan nát óc.

## HÀ ĐẦU ĐỀ :

Tháng năm vui thú.  
Nhục nhã quên đi.  
Bút cùn một ngọn, vùi đầu chi mãi dưới đèn tàn ,  
Cuộc thế trãm năm, đê thành kẻ say sống mê chết.

## THAN ÔI !

Huyết khí đã có ;  
Gan ruột sao không.  
Thẹn cùng trời đất,  
Hỗn với non sông.

## TÔI NAY

Nóng lòng vì thế sự ;  
Mỗi mắt bởi thời gian.  
Nghĩ non nước lòng đau tựa cắt ;  
Nhìn biến cuộc dạ rối như tương.  
Khôn ngăn giọt lệ Trường sa, lênh lang biển Sở ;  
Treo rồi dải mũ Thần-vũ, hiu hắt gió thu.  
Mắt trông An-Tử ở Thần-Sơn, mảnh buồm qua [bến ;  
Lê tiên Kinh-Kha trên Dịch-thủy, một đi chẳng về.  
Tiếng ca dài dương khi nức nở ;  
Ngọn bút hòa lệ nhỏ tran tran.  
« Chí thành thông thánh » chẳng màng,  
« Danh sơn lương ngọc » miên bàn là hơn... »



## Văn-Tế người chết đuối trong Phong trào chống Thuế ở miền Trung năm 1908

Năm 1908, Phong trào chống xâu chống thuế ở miền Trung dấy động khắp nơi. Riêng phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, sáng ngày 22 tháng 3, hơn 8000 người ủa vào phủ lỵ bắt tên tri phủ thám độc Trần-văn-Thống (người Quảng-bình) khiêng lên tinh trả thực dân Pháp.

Tới sông Thanh-hà, một tên thiếu úy đem 30 lính tập kéo đến dùng báng súng đán áp làm ba người ngã xuống sông chết. Chúng cướp được tên Thống. Đoàn người tay không tan dần. Một số ở lại vớt ba người lên chôn. Sáng sau, đồng bào tụ họp lại làm lễ truy điệu. Đối trưởng văn tế rất nhiều, nhưng tiếc bây giờ chỉ còn lưu lại trong tâm khảm quẩn chúng một câu đối :

Trù trưởng khê đầu tòng thử biệt,  
Yên ba giang thương xứ nhân sầu (1).

Và mấy đoạn sau đây ở trong bài văn tế đã tố cáo sự bóc lột tàn nhẫn của thực dân Pháp khiến cho dân ta bị lầm than nghèo khổ, đồng thời cầu chúc hương hồn những người bắt hạnh sẽ kết thành lực lượng để còn báo thù và tranh đấu.

(1) Câu đối này vẽ trên rút trong bài thơ « Thiên thai tống biệt » của Tào Đường, có nghĩa là : « Đầu khe bịn rịn giờ xa hẳn »; vẽ dưới rút trong bài « Hoàng-hạc lâu » của Thôi-Hiệu có nghĩa là : « Trên sông khói sóng đè người sầu ».

Chó ăn cả lòng,  
Cây đào tận gốc...  
Không tiền mua lược,  
Nên đầu ông trọc.  
Không tiền mua vải  
Nên áo ông cộc.

• • • • •  
Rủ nhau xin xâu,  
Tám nghìn chen chúc...  
Chẳng ngờ sày chân  
Không vớ được cọc.  
Kẻ mất người còn,  
Vì dân đau khóc...  
• • • • •

Hồn ông đi đâu ?  
Xiêm-la, Bàn-cốc,  
Thượng-hải, Hoành-tân,  
Ấn-độ, Thiên-trúc ?  
Lớn hóa làm tàu bay,  
Nhỏ hóa làm súng lục,  
Phơi phới trên từng mây !  
Để chờ cơn báo phục !



## **Biểu mừng Tuần-phủ Nguyễn-Duy-Hàn bị bom**

Ngày 13 tháng 4 năm 1913, Nguyễn-Duy-Hàn (người làng Hành-thiện, tỉnh Nam-Định đương làm chức tuần phủ Thái-Bình, ngồi trên xe kéo từ tòa Sứ về dinh, bị đảng viên Quang-Phục Hội ném bom giết chết. (Sau Tráng bị bắt và bị thực dân Pháp xử án tử hình).

Vậy Nguyễn-Duy-Hàn là con người ra sao ? — Tội trạng y thế nào ?

Muốn biết rõ, chúng ta hãy đọc bài này của cụ Nguyễn-hữu-Tiến viết mừng tên Hàn về tai nạn nói trên...

### PHỤC DĨ

Góc trời đỏ rực, tiều nhân đắc chí chi thời ;

Mặt đất sấm vang, đại đồ phục Chu chi nhật (1).

Trời đánh có mắt,

Người hết vui lòng.

Thán sǐ chúng tôi, trộm nghĩ rằng :

Cướp của giết người, kẻ cắp tất bà già chi gấp.

Mũi tên hòn đạn, thiên oai duy bạc mệnh chi tim...

(1) Mừng thấy ngày dấy lại nhà Chu, ý nói việc khôi phục lại nước.

Huống rước thù mua oán chi dã lâu, lẽ không tha được ;  
Tức nướng chả băm viên chi rất thảm, tội chưa cân đầu.  
Không biết ông nào,  
Thương thay cự lớn.

Cung duy Thái-Bình tuần phủ Nguyễn đại-nhân các hạ :  
Làng văn vật,  
Giòng thi thư.

Miệng lắp đồ le ;  
Đít xì dáng vại.

Đỗ cử nhân từ khoa Bình-Tuất, chó ngáp phải ruồi ;  
Sang hậu bồ giữa tỉnh Thái-Bình, chuột sa chĩnh gạo.  
Đóng liền một chỗ ;

Làm luôn mấy năm.

Cứ bờ xôi ruộng mật chi lợi quyền ;  
Thi xanh vỏ đỏ lòng chi chính sách.

Đỏ như vông, đồng như tiết, nhờ máu mạnh dĩ đưa đi ;  
Cơm là gạo, áo là tiền, đầy túi tham nhi thắt lại.

Được thề dễ nói khoác, hết phủ huyền nhi bồ hò ;  
Càng quen lèn cho đau, nhè thân hào nhi giờ mặt.  
Chỉ khéo liệu chiều che gió, Sứ (2) muốn ăn cho ăn,  
muốn chơi cho chơi.

Xui nên há miệng mắc quai, Tuần bảo xôi ừ xôi, bảo thịt ừ thịt.

Tay óc trong bị ;  
Bung đặt những gươm.

Kỳ đồi trắng nhi thay đen ;

(2) Tức Quan Thống-sứ.

Thả tát can nhi bắt lấy.

Trước còn vơ vét, giăng cánh lưới dỗng sông,  
Sau lại dò la, bới chôn lồng nhí tim vết.

Gần từ một tỉnh,

Xa đến các nơi.

Trong họ chẳng tha,

Ngoài làng cũng bắt.

Vi hạt dân chi hùm xám ;

Vi quý quốc chi chó săn.

#### SAO CHẮNG NGHĨ :

Vận nước loạn ly ;

Tinh dân oan khổ ?

Làm cho đến nỗi, chày khô vắt dỗ nước ra ;

Chút chướng thương tình, dầu đồ thêm chi lửa cháy.

#### HƯƠNG PHỤC

Tiền thưa gà mổ,

Ruộng thẳng cò bay.

Còn mong đến đâu ;

Chẳng xin về nghỉ.

Con thì một đàn ngu ngốc, cậu Dương-Hòa nãi chó  
săn gà chơi chi thương lưu ;

Nhà thì mang tiếng cao hoa, cụ Huyện hàm nãi da đá  
men mờ chi thạc vọng,

Sao không biết nghỉ.

Ê tham thì thảm.

Nghi tac đạn chi quăng vào, mình mua lấy chết ;

Tức thành môn chi phục xuống, người hóa ra ma.

Thương đầy tờ chi bị lấy ;

Vào nhà thương nhí cứu khỏi.

#### THÂN SĨ CHÚNG TÔI :

Trộm nghe người nói ;

Ngồi nghĩ lẽ chung.

Chẳng chết chết thắng nào, cho đáng đời cho đáng kiếp ;

Đã làm làm phải được, ấy mới gan ấy mới tài.

Thực thỏa lòng người,

Đề tạ thiên hạ.

Từ đó chợ tan buổi họp, đưa cửa trước rước cửa sau ;

Rồi ra cửa đội nón đi, vào lồ hà ra lồ hồng.

Má phấn môi son chi Đào Bích, chưa kịp đói hối ;

Nâng khăn sà túi chi hầu non, lấy ai cai quản.

Hàm Tồng-đốc được truy tặng thắng, Thống-sứ thương thay !

Vua Diêm-vương có mặt thăm chúa, Quan Tuần xuống đón.

#### THÂN SĨ CHÚNG TÔI

Bất thắng nguýt nguýt lướm lướm chi chí,

Cần trấn biểu dĩ văn.



## Văn-té Hoàng-Trọng-Mậu

Hoàng-trọng-Mậu, người Nghệ-an, ông là một chiến sĩ cách mạng xuất sắc có chân trong ban Chấp-hành trung-tương của Việt-Nam Quang-phục hội. Khi Thế-chiến thứ nhất bùng nổ, Hội được tòa lãnh sự Đức ở Xiêm giúp đỡ, nên có mở một vài trận đánh vào các cứ điểm Pháp ở biên giới Hoa-Việt. Trong các trận này, ông Mậu được giao phó trách nhiệm đánh đồn Tà-lùng ở Cao-bằng (13-3-1915). Nhưng thất bại vì sự bất đồng ý kiến với ông Nguyễn-hải-Thần.

Sau đó, ông Mậu rút sang Trung-quốc nhưng đến tháng 5 năm ấy thì bị nhà đương cuộc Anh ở Hồng-kông, bắt giao cho Pháp cùng với các đồng chí: Trần-hữu-Lực, Lê-Dương, Trần-thị-Chuyên.

Thực dân Pháp cho giải về Việt-Nam, hai ông Mậu, Lực bị chúng hành-quyết ở Bạch-Mai (ngoại ô Hà-nội).

Lúc ở nhà giam, ông Mậu có làm hai câu thơ:

*Thiên niên cố quốc quyên đề thảm,*

*Vạn lý cõi thần hạc khiếu ai (1).*

Và lúc ra pháp trường có đọc một câu đối:

*Ai quốc hả cõi, duy hữu tinh thần chung bắt tử,*

*Xuất sú vĩ tiệp, khả tương tâm súi thác lai sinh (2).*

(1) Nghìn năm nước cũ, tiếng quốc gào thê thảm.  
Muôn dặm nỗi cõi thần, chim hạc kêu ai oán.

(2) Yêu nước tội tình gì, chỉ có tinh thần là không chết,  
Ra quân chưa thắng lợi, khả đem tâm súi gởi đời sau.

Còn ông Lực thì có câu :

*Giang sơn dì tử, ngô yên đắc du sinh, thập dư niên luyện kiếm ma  
đao, tráng trí bản phù Hồng tồ quốc ;  
Vũ dực vị thành, dì tiên vi thủ bại, tại cửu tuyển điều binh khiền  
tướng, âm hồn ám trợ Thiếu niên quân. (3)*

Còn bài văn tế này là của các đồng chí ở hải ngoại làm ra để truy điệu ông, nhưng rất tiếc đến nay vẫn chưa biết rõ được ai là tác giả.

### THAN ÔI !

Nước dậy sóng cồn

Nhà xiêu trụ cột.

Xét tình máu mủ lệ mưa tuôn ;

Kề lại đầu đuôi gan lừa đốt.

Ngó cuộc thế anh hùng ghê gớm, thua cái lực mà hơn ở  
cái tài, việc hơn thua khoan kẽ làm hai ;

Ngầm cơ trời quản tử lạ lùng, mất là hình mà còn lại là  
danh, lẽ còn mất phải xem như một.

Vốn đã biết Bắc Nam cùng một nước, ngàn muôn dặm  
non Hồng biển Lạc, chính khi đây trời chật đất,  
nǎm xương tàn da ngựa có mà chi.

Nhung nghĩ rằng sống thác há đôi đường, hai mươi  
nǎm góc biển ven trời, hiếu tình ngóng mẹ  
trông cha, nơi đất tồ đầu hò gọi là chút (4).

(3) Giang sơn đã chết, ta sống thừa sao, hơn mười nǎm luyện  
kiếm mài đao, trí khí những mong phù nước ð.

Lông cánh chưa thành, đã bị thất bại, sống ở chín suối quyết  
diều binh khiền tướng, đê âm hồn giúp Thiếu niên quân.

(4) Đầu hò túc đầu con cáo, do tích câu « cáo chết ba nǎm quay  
đầu về núi. »

## NHỚ ANH XƯA :

Quê quán hào hoa,  
Cửa nhà trầm hốt.  
Nguồn trong núi lặng, đất đúc khuôn thiêng.  
Ngọc đẹp vàng tinh, trời cho chất tốt.  
Học văn mắt cùng muôn quyền, tài vẽ vời dệt gấm  
thêu hoa,  
Văn minh soi suốt năm châu, chỉ hăng hái mài nanh  
giữa vuốt.  
Sân Đông-Lỗ (5) theo đồi thi lê, nối nghiệp gia truyền  
trung hiếu, nghĩa xuân thu hôm sớm những ôm  
cầm;  
Cõi Tây-Âu dồn tới phong trào, đau lòng quốc thồ  
trầm luân, chỉ hồ thi (6) đêm ngày thắc mắc.  
Vào trường bốn năm lần bại Bắc (7), trắn trọc mười  
năm gió bụi, giấc phù sinh khoa giáp chửa nguôi  
lòng;  
Đồng tâm ba bảy bạn hoài Nam, nhẹ nhàng nửa gánh  
gươm đòn, đường du học hướng minh (8) bèn  
thẳng gót.  
Trung-Hoa, Nhật-Bản, đất nước lưu ly,  
Hương-cảng, Hoành-tân, tháng ngày thuê hốt.

(5) Sân Đông-Lỗ là ý nói học chữ Nho vì Không-Tử xưa là người  
ở Đông-Lỗ.

(6) Hồ thi là cung tên.

(7) Bại Bắc là thua ở Bắc, ý nói câu này là thi không đậu ở Bắc.

(8) Hướng minh là quay về phía ánh sáng, ý nói đi tìm học văn  
minh.

(9) Trì khu là rong ruồi.

Học võ bị đè lo phương khôi phục, nào súng, nào gươm,  
nào khí cơ đạn dược, Đông-kinh, Thượng-hải,  
trường Lục quân mấy độ truy tùy,

Mượn chiến trường mà thử sức tri khu, (9) có cờ, có  
trống, có mã đội, sư đoàn, Lưỡng Quảng Văn-nam,  
đảng cách mạng nhiều phen xung đột.

Quang-phục gây nên hội mới, São-Nam, Mai-Bạng (10),  
kẻ hiến tài mà kẻ lại bầy mưu;

Ngoại giao giữ được quyền sang, Vọng-các, Nam-quan,  
khi mộ xương (11) lại khi luyện tốt (12).

Cờ phục Việt phất phơ trước mắt, sực nghĩ tới Tiên  
tử Long tôn (13), máu đỏ da vàng, nháo nhác dòng  
bão mấy triệu, lầm than sao nỡ thế, máu đè quyên  
(14) lai láng suốt đêm hè.

Giáo cầm Hồ (15) múa máy trong tay, đoái trông lai  
Hoành-sơn, Quế-hải, rừng vàng biển bạc, mịt mù  
Tồ quốc ngàn năm thành quách hãy còn chặng,  
hồn biệt hạc (16) lăm le trên đỉnh cột.

## NÀO NGỎ :

Thể nước cỏ non.

Vận nhà chưa suối.

(10) Tức Mai-lão-Bạng, một vị linh mục làm cách mạng chống Pháp.

(11) Mộ xương là mộ lương (cũng đọc là mộ hương).

(12) Luyện tốt là luyện quân.

(13) Tiên tử Long tôn là con Tiên cháu Rồng.

(14) Đè quyên là tiếng quốc kêu.

(15) Cầm Hồ là bắt rợ Hồ, ý nói bắt giặc.

(16) Biệt hạc là chim hạc bay xa.

Tức tối lẽ cầm quân Nam phản (17) thê kích tiếp mặc  
dầu trang tri, thần linh giúp sức, roi Tồ sinh chưa  
phi bước tung hoành. (18)

Xót thương thay khi trở gót Đông du, cánh xung thiên  
nồng nỗi xa vời, ma quỷ đem đường, ngựa Quan  
Thánh (19) khôn dè cơn sảng sốt.

Vì ai nên hùm mạnh sa cơ?

Vì ai đê rồng thiêng đói lốt?

Ngục Hà-nội già gông tất lưỡi, lừng lẫy án « Việt cảnh  
quán thông, đồ mưu bạn nghịch », sông núi chuyền,  
Nhạc tướng-quân (20) ba chữ kỳ oan.

Trường Bạch-mai kèn trống xôn xao, ngậm ngùi cầu  
« xuất sự vị tiệp, ái quốc hà cô », quỷ khóc thần  
gào, Văn thừa-tướng (21) đói hàng tuyệt bút.

ÔI THƯƠNG ÔI !

Khói độc mịt mù,

Lửa oan phùn phut.

Đá núi Tân muôn trùng chất ngắt, hòn vĩ nhân muôn  
kiếp chưa tan ;

Nước sông Hồng nghìn khoảng mông mênh, máu liệt  
sĩ nghìn thu khô gột.

(17) Nam phản là trở về Nam.

(18) Tồ-sinh tức Tồ-Địch, danh tướng đài Đông-Tấn khi đem quân  
vượt Trường-giang đánh Lưu-Thông (tướng Hung nô) có gỡ  
bánh lái (kích tiếp) thề « ta là Tồ-Địch thề hết lòng vì nước,  
nếu không khôi phục được Trung-nguyên không về qua sông này ».

(19) Tức Quan-vân-Trường.

(20) Tức Nhạc-Phi.

(21) Tức Văn-Thiên-Tường, Thừa tướng đài Tống mạt, bị quân  
Nguyên bắt, lúc ở trong ngực có làm bài « Chính khí ca » được  
người đời truyền tụng.

Hởi đất, hởi trời, hởi giang sơn, hởi chủng tộc, nói  
chi nữa, trông mong chi nữa, ngán nỗi mây sầu  
gió thảm, mắt từ bi mờ mịt lúc tàn canh,

Nào cha, nào mẹ, nào huynh đệ, nào thê nhi, thấy  
gì đâu, tin tức gì đâu, tuyệt vời nước thảm non  
xa, hồn tồ quốc bơ vơ khi gió lọt.

Khi ấy hãy quanh quần trong tạo hoá, át cũng nhờ  
trời Việt còn cao, đất Nam còn rộng, cơ chuyền  
vần sẽ có xui nén ;

Thù này xin tặc với non sông, dù đến khi sông Lam  
hết nước, ngàn Hồng hết cây, lòng báo phục vẫn  
còn sảng sốt.

Trước có xưởng thì sau có họa, nợ tang bồng phải  
trả cùng nhau ;

Sóng là khôn thì thác là thiêng, tình cốt nhục xin  
soi cho trót.

Ô HỒ ! THƯƠNG HUỐNG !



## Văn tế cụ Phan-chu-Trinh

Cụ Phan-chu-Trinh và cụ Phan-bội-Châu là hai nhà cách mạng tiền bối của dân tộc Việt-Nam như ai nấy đều biết. Hai cụ cùng hoạt động một thời và cùng là bạn. Nhưng ý kiến thi trái lại không đồng.

Cụ Phan-bội-Châu thì cho rằng người Pháp không thiệt lòng khai thác cho nước Nam. Trước phải tìm cách đánh đồ họ, và phải nhờ vào thế lực một nước ngoài mới làm được.

Còn cụ Phan-chu-Trinh thì bác lại chủ trương ấy. Cụ cho rằng nước Việt-Nam chui rúc dưới chánh thè chuyên chế đã trên nghìn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập, dầu có nhờ cậy nước ngoài thì chỉ diễn cái trò « dịch chủ tái nô » thôi. Theo chánh kiến của cụ thì việc cậy nước ngoài quanh co khúc chiết lắm, mình không tự lập, ai cũng là kẻ thù của mình. Triều Tiên, Đài-Loan, cái gương đó rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp. Vì vậy phải tìm cách mở mang dân trí trước đã.

Thế nên, cụ Phan-bội-Châu thì bôn ba qua các nước Á-Đông như Xiêm, Tàu, Nhật-Bản. Còn cụ Phan-chu-Trinh thì lại qua hoạt động ngay tại giữa thủ đô nước Pháp. Cụ ở Pháp từ năm 1911 đến năm 1924 mới trở về Việt-Nam. Cụ Phan-bội-Châu bị Pháp bắt, cuối năm ấy được thả ra. Cụ Phan-chu-Trinh ở Sài-gòn định ra thăm, nhưng vì bệnh đi không được. Khi ấy cụ Phan-bội-Châu cũng định sẽ vào Nam đón gặp bạn. Nhưng chưa

kịp đi thì ngày 24 tháng 3 năm 1926, cụ Phan-chu-Trinh tạ thế ở Sài-gòn.

Trong đám tang cụ Phan-chu-Trinh cũng như các cuộc lễ truy điệu cụ ở khắp nơi toàn quốc, không biết bao nhiêu thơ văn ai điếu mà kè (lẽ tất nhiên, nhà cầm quyền Pháp không cho lưu hành), nhưng lâm ly và cực kỳ thống thiết hơn cả, phải nói bài văn này của cụ Phan-bội-Châu thay mặt đồng bào Huế thảo ra.

Ngoài cái tình cảm của đồng bào đối với cái chết của cụ Phan-chu-Trinh, đọc bài này, chúng ta còn thấy cái tình cảm của một nhà cách mạng đối với cái tang một nhà cách mạng nữa.

### THAN ÔI !

Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nợ kém thua  
hơn được, ngó non sông nên nhớ bậc tiên tri ;  
Dù địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có  
sau không ; kinh sấm sét hối đau lòng hậu hối.  
Vẫn biết tinh thần di tạo hóa, sống là còn mà thắc cũng  
như còn.  
Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rủi mà nay  
càng thêm rủi.

Lấy ai đây nối gót nghìn thu ;  
Vậy ta phải kêu người chín suối.

### NHỚ ÔNG XUA

Tú đục Nam-chu ;  
Linh chung Đà-hải.

Nghệ nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường,  
Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối ;  
Gan to tay bồ, sức xông pha nào kẽ sức muôn người ;  
Mắt sáng hơn đèn, tài lanh lợi từ khi năm bảy tuổi.  
Vận nước gấp cơn đau bồ, đeo vai thân sĩ, còn lòng  
đau mà áo mũ xué xoang ;  
Thói nhà chăm việc bút nghiên, dấu một anh hùng,  
khi tạm cũng khoa trường theo đuổi.

## SONG LE,

Khí vân chanh vanh ;  
Chí càng viễn đại.  
Tài Ma-nê đương chúa súc hô hào,  
Tuồng Lê-định quyết ra tay đào thải.  
Đội tiền phong đầu tá, gió duyên từ Đông-hải thổi vào  
Gương ngoại quốc kia là, sóng cách mạng bởi Âu-châu  
dồn tới.

Dọc ngang trời đất rực vẻ văn-minh ;  
Tức với nước nhà cam đường hủ bại.  
Cá chậu chim lồng vơ vẫn thế, sáo công danh thời  
vất lối tầm thường ;  
Rồng mây cop gió lạ lùng gi, miền thanh khí thử hô  
người trung ngoại.  
Cậy tài học dặn dò phuơng tự chủ, Lư Thoa, Mạnh Đức,  
so sánh người xưa ;  
Mượn đồng-du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương-cảng,  
Hoành-tân, lỗi len đường mới.  
Ba tắc lưỡi nào gươm nào súng, nhà cầm quyền trông  
gió đã gai ghê.

Một ngòi lồng vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ treo  
đèn thêm sáng chói.

Phóng khiến : trình độ dân ta cao, tri thức dân ta giỏi ;  
Sức dân ta ngày một dồi dào ; khí dân ta ngày càng cứng  
cỏi.

Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần tự do nên  
đứng đinh vè đây,  
Bạn người Việt với thầy người Tây, chuyên chẽ dám  
dùng dǎng ở mãi.

## NÀO HAY

Trời đã éo le,  
Người càng quỉ quái.  
Chúa chan máu quốc, nước vẫn vơ hồn ;  
Xao xác tiếng gà, trời mù mịt tối.  
Tràng nô lệ chung quanh là rắn rit, văn cừu thời  
khen khéo gây oan,  
Ở dã man ngan ngát những hùm beo, miền ái quốc  
hóa nên buộc tội.

Thành Hà-nội ủn ủn mây ác độc, nào kẻ lánh minh,  
nào người chống thuế, chữ ám mưu tơ vẽ đủ trăm đường ;  
Đảo Côn-lôn rực rực oan cừu, thầy người yêu nước,  
thầy kẻ thường dân, tơ xướng loạn dệt thêu ra một mối.  
Mưa dào gió dạt, xui khách lưu ly.  
Biển thẳm trời xa, xót ông chìm nỗi.  
Thân, Dậu, Tuất, bấy nhiêu năm tan khổ, khi đào cây,  
khi lượm đá, giữa biển trần gió bụi cõng thung dung ;  
Đặng, Hoàng, Ngô, ba bốn bác hàn huyền, khi cốc rượu,  
khi ngâm thơ, ngoài cửa ngục lầm than mà khảng khái.  
Hồi đèn may cũng lần lừa ;

Lòng đỗ vẫn còn hăng hái.  
Quay đầu lại trả án tù đạo, tấm thân già còn nặng  
gánh giang san ;  
Bước chân đi tìm bạn Âu-Châu, đòi tay trắng quyết  
phất cờ xã hội.  
Án tại phạm vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử  
lại thêm bền.  
Thư thất điểu đón giá như Tây, uy sấm chớp chẳng  
kinh cùng chẳng hãi.  
Gương vị nhân treo nhũng bao giờ ;  
Hồn cổ quốc vừa về năm ngoái.  
Trước mắt nào ai hờn hở, thấy ngựa xe luống ngắn  
ngơi chiều.  
Bên tai nhũng tiếng kêu van, nghe sưu thuế càng ngao  
ngán nỗi.  
Dưới miệng cọp gửi đoàn con đỗ, phúc trùng lai thêm  
bận dạ tha hương,  
Trên nguyễn người giữ giống da vàng, lòng cảm tử  
quyết lùa quân hậu đội.  
Ước nhũng chuông đều trống nhịp, khắp ba kỳ cho  
vang tiếng reo hò.  
Mới là anh trước em sau, dắt một lũ đề đồng bào gắng gỏi.  
Khéo vô tình trời chẳng chiều người ;  
Nên bất hạnh mừng mà hóa tui.  
Tiệc hoan nghênh mới đó, não nùng rượu chưa phai mùi ;  
Hội truy điệu liền đây, thấp thoáng hương đã bén khói.  
Anh em ta : Đất rẽ đôi đường, tình chung một khối.  
Gánh tồn vong ai cũng nặng nè ;  
Nghĩa chung thi lòng càng bối rối.

Sóng gió một thuyền chung cha, ngọn chèo đang lúc  
cheo leo.  
Mịt mù muôn dặm xa khơi, dấu ngựa nhờ ai dong ruồi,  
Ngại ngùng thay người ngọc níu xa ;  
Ngâm nghĩ nhũng giọt chàu mưa xối.

## THƯƠNG ÔI !

Bề bạc còn trơ,  
Trời xanh khó hỏi.  
Nghìn vàng khôn chuộng lấy anh hào.  
Tắc dạ dám thề cùng sông núi.  
Trước đã giỏi thời sau nên giỏi nữa, dấu « cộng hòa » xin  
rắn súc theo đồi.  
Sống còn thiêng thời thác phải thiêng hơn, thang « độc  
lập » quyết đều tay xin với.  
Lời này ông có xét chẳng !  
Lòng ấy tôi đã soi dọi.



## Văn tế cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền

(Xem tiểu sử cụ Mai-Sơn trong bài « Chiêu hồn quốc văn » ở phần văn xuôi).

THAN ÔI !

Dầu chìm bể nỗi, ngán cuộc đời mây gió xáo đòng phen ;  
Kẻ Bắc người Nam, xót tình bạn ruột tăm vò mây đoạn.  
Cây sa núi lở, dấu sú nho khôn biết đâu tìm ;  
Trời sập đất già, nguồn đạo nghĩa chẳng bao giờ cạn.  
Lửng lơ mây bạc cuối trời ;  
Thấp thoáng gió hương trước án.

Thống duy Mai-Sơn tiên sinh :

Thơ sánh Thịnh Đường,

Văn so Tiền Hán.

Nức tài danh từ thuở ấu đồng,  
Kè môn phiệt vốn nhà khoa hoan.

Ngang mắt trắng liếc phường hủ tục, kệ thây cá chậu chim lồng.  
Bước mây xanh che mặt trần ai, thời cũng bảng rồng thấp nhạn.

Vận tồ quốc đang gấp thời điên bái (1), nghiệp trung hưng mong mỏi vá trời.

Nó định vi vừa nhẹ gánh thần hôn, đường muôn dặm vội vàng dắt bạn.

Ngó cần đai càng tuôn lệ ngọc, Tống-văn-Sơn (2) gai mắt với Hồ-nghuyên ;

Nhớ nước non thêm nóng gan vàng, Châu-Thuấn-Thủy băng miền qua Nhật-bản.

Đường bôn túa trải bao phen nguy hiểm, khi Hương-Cảng, khi Hoành-Tân, khi Băng-Cốc, tức tối đất không dung võ, giọt khấp đình ai ném máu Thành-Tư (3) ;

Thuốc cứu thời toan muộn ngón văn churong, nào Yên-kinh, nào Tấn-tỉnh, nào Ngô-quân, nào Hàn-thanh, phuơng y quốc khó ra tay chấp loạn (4).

Ngoài năm chục thân già lận đận, vóc hạc hình mai ;  
Hai mươi năm hồn mộng đi về, sông Lô núi Tân.

Phong trần đất khách, tóc đã pha sương ;  
Nhật nguyệt trời riêng, lòng không dày nắng.

Hăm lăm triệu xương tan thịt nát, xót đồng bào đang giữa bể trầm luân ;

Toan một mình trống tối chuông mai, dắt đại chúng thoát ra vòng khổ hạn.

(1) *Điên bái là nghiêng ngửa.*

(2) *Túc Văn-thiên-Tường, tè tướng nhà Tống, thà chết không chịu hàng nhà Nguyễn.*

(3) *Khấp đình là sân khóc, chỗ Thành-bao-Tư nước Sở sang khóc ở sân vua nước Tần để xin viện binh về chống Ngô.*

(4) *Chấp loạn là dẹp loạn.*

Những ước trời Nam đất Việt, khắp mọi vùng mưa  
pháp mây từ ;  
Thôi dành cửa Phật buồng Thiền, chuyên một niệm  
cầu kinh quyền tán.

## THAN ÔI !

Đất chàm hồi xuân ;  
Trời còn nuôi loạn.  
Hạt đương gieo mộng, âm thầm quả phúc cây từ !  
Má chưa nén hình, ghê gớm rùng gươm núi đạn.  
Gió cuốn bụi hồng đòi trận thỗi, nghe những ủ ê ;  
Nước giăng sóng bạc chín lần tuôn, thấy càng ngao  
ngán.  
Kiếp phú sinh chốc tinh giấc hoàng lương ;  
Miền cực lạc sẽ tìm phương chấn đảo.  
Lửa can tịnh thiêu xương người khi tiết, sống thanh  
cao mà chết cũng thanh cao ;  
Đời văn minh mỗi mắt chốn quê hương, danh viễn  
mẫn mà chí chưa viên mẫn (5)

## TUY NHIÊN !

Bất hoại ấy tinh thần ;  
Vô thường là vận hạn.  
Đành đã tiêu dao cõi Phật, thế đáng vui mừng ;  
Chỉ vì ngơ ngác đàn em, riêng càng đau đớn.

(5) Viễn mẫn là tròn đầy.

## EM CHÂU NÀY :

Đầu xanh lửa lẩn, vừa bạn vừa thầy ;  
Tóc bạc theo đỏi, đồng ưu đồng hoạn (6).  
Nhớ những canh khuya trước án, gà năm canh chung  
tiếng lúc hòm mai ;  
Nő nào kẻ ở người về, hạc nghìn tuổi đau lòng khi  
tụ tán.  
Lời tối hậu ân cần khi tiễn biệt, trăng Tây-hồ lai láng  
nét sơ chung ;  
Chí cảm hoài năn nỉ nghĩa bình sinh, mây Cát-lĩnh mo  
màng hồn vãng phản (7).  
Những tưởng trời còn nước Việt, chén Long-Thành  
mở tiệc hoan nghinh ;  
Vậy nên thơ gửi gió Nam, bài quốc ngữ thay lời kính  
văn (8).  
Cái mong hồn hãy chứng cho ;  
Gọi chút tỏ lời đơn giản.



(6) Đồng ưu đồng hoạn là cùng lo cùng lắng.

(7) Vãng phản là đi lại.

(8) Kinh văn là kính viếng.

## Văn tế đồng bào Cổ-am và các làng bị thực dân tàn sát

Cuộc khởi nghĩa Yên-báy bùng nổ vào lúc 1 giờ sáng ngày 10 tháng 2 năm 1930. Quân cách mạng đánh chiếm thị trấn này rất dễ dàng, rất nhiều sĩ quan và binh lính Pháp tử trận.

Song vì lệnh khởi nghĩa ban ra không đều đẽ thực dân có đủ phương tiện và thi giờ đổi phô. Nên cuối cùng Yên-báy lại bị quân Pháp tấn công lấy lại được.

Cách mạng quân phải rút về miền Hải-dương thủ hiềm ở các làng La-hào, Võng-la, Cồ-am, Xuân-lũng, Kha-lâm, Sơn-dương và Khúc-thủ v. v... (tại miền này, quân cách mạng do Trần-quang-Riệu chỉ huy đánh chiếm huyện Vinh-Bảo, giết chết tri huyện Hoàng-gia-Mộ, con trai Hoàng-mạnh-Tứ, cháu gọi Hoàng-cao-Khai là ông nội).

Thế là các làng này sau đó liền bị hàng chục chiếc phi cơ của Pháp bay đến thật thấp và dội bom xuống, nhất là làng Cồ-am làm thiệt hại không biết bao nhiêu là thường dân vô tội.

Thả bom xuống như thế, nào đâu đã đủ người lòng tàn ác, chúng còn bắt chặt hết tre, rồi buông lửa đốt cháy làng. Áo quần, thóc gạo, gà lợn, trâu bò, các đồ vật của thường dân, có làng thì chúng cho chạy ra, có làng thì chúng bắt bỏ lại đẽ cháy cho kyll hết.

Đề nhớ lại mối hận thù chung ấy, chúng ta hãy đọc lại bài

văn tế này của một nhà cách mệnh (không biết tên) và đồng thời cũng là đề biết cảm xúc của cụ đối với cái thảm họa máu xương của dân tộc trên đây.

THAN ÔI !

Dân mất nước, nghĩ càng đau quá, dể, run, kiến, mối  
nghĩ còn hơn ;  
Giặc có quyền, thương đến ai đâu, súng, đạn, gươm,  
đao thôi mặc ý.

Sóng Âu Á hai mươi thế kỷ ;  
Cuộc biến đau trái mấy phen này.  
Trói tay chân, pháp luật là dây ;  
Bung tai mắt, văn minh rành vỏ.

Đem nòng nỗi mấy năm gần đó, tư bản cường quyền  
Pháp quá sức hoành hành ;  
Nên anh em sáu triệu xứ minh, Việt-Nam quốc dân  
Đảng là đường tự vệ.

Lòng yêu nước gốc lòng trời đẻ, ai có xui ai ;  
Tinh thương nòi vốn tinh loài người, tội chi mà tội.  
Nào hay bị quân hùm sói.  
Diễn thêm một cuộc oán thù.

Làng Cồ-am há phải giặc đâu, toàn những người cày bừa  
cuốc sâu, đóng sưu nạp thuế ;  
Xã Xuân-Lũng ấy thày dân lành, đâu có kẻ tranh  
thành cướp đất, đắp lũy xây đồn.

Huống gì đoàn chiu chít bé con ;  
Với những thân gầy còm già yếu.

Đáng thương thật đầu mun mặt trú, gánh vác nặng nề,  
dưới nhà nước tha hồ đè nén;  
Xứ cấy cà phê phải bã sa trường, tường ngô gà kêu chó  
sủa, đất há hẹp gì.

Chúng làm ăn nào biết việc đua tranh, chắc là thuê  
ráo suru xong, trời cùng thương đến.

• • • • • • • • • • • • • • • • •

Họa ao cá vì ai xui khiến;

Nạn tàu bay vô cớ sán nhào.

Đoàn già lũ trẻ, thây chết nhòn nhao, thảm họa ấy  
vì sao, ơn khai hóa vài trăm khẩu súng.

Mẹ góa con côi, máu sôi tản漫, sự tình thật quá  
ngán, quyền tự do mấy chục quả bom.

Đã dành than lấp bùn chôn, giữa nước lửa chỉ là mồ dân  
Việt;

E nứa trời cùng đất kiệt, ngoài non sông đâu tà  
cảnh nguồn Đào?

### THƯƠNG ÔI!

Gương cũ treo cao;

Cuộc sau gấp tinh.

Hăm lăm triệu may ai còn tinh mệnh, thịt đầu đe há  
phải điềm vui;

Toàn ba kỷ nếu săn có nhân tài, chim ngoài lười phải lo  
đường sống.

Hát vô dung mà khóc càng vô dung, duy mong mỏi  
giống Hồng giống Lạc, bà con anh chị một lòng gìn  
giữ máu tiên vương;

Họa phi thường thì phúc cũng phi thường, những ước  
ao núi Tân sông Lô, hồn phách tinh linh hộ cả  
nước mở nền Tân Việt.

Mấy lời tâm huyết!

Chín suối hồn nghe!

### THƯƠNG HƯỚNG.



## Văn tế Cô Giang

Túc cô Nguyễn-thị-Giang người tỉnh Bắc-Giang (Bắc-Việt). Xuất thân trong một gia đình Nho giáo, cô gia nhập Việt-Nam Quốc-Dân Đảng tại tỉnh bộ tỉnh nhà dưới quyền chỉ huy của ông Song-Khê Nguyễn-khắc-Nhu (tức xứ Nhu).

Năm 1929 cô phụ trách giao thông cho tòng bộ với các nơi. Cô cùng đi với đảng trưởng Nguyễn-thái-Học. Rồi thanh khí tương hăng, hai người cùng đến đền thờ tổ Hùng-Vương thề nguyện làm vợ chồng. Trong buổi định tình này, cô yêu cầu ông Học giao cho một khẩu súng, và hứa nếu chẳng may ông Học chết vì nước thì xin theo chồng bằng khẩu súng ấy.

Sau ngày khởi nghĩa Yên-bái bị thất bại, ông Học bị bắt. Lúc giải lên Yên-bái, cô cũng đáp một chuyến xe đi, có mang theo khẩu súng và một trái bom định vào phá pháp trường.

Nhưng bị lính canh rất ngặt, cầm không cho ai được tới gần.

Xem chém xong, cô về nhà trọ viết hai bức thư tuyệt mạng, đoạn ra chợ mua một tấm vải để tang chồng, rồi về lại quê nhà, lại thăm cái quán giữa đồng mà cô cùng ông Học đã có lần cùng nhau tâm sự. Đoạn bước ra ngoài quán, cô cầm súng tự bắn vào thái dương để chết. Lúc ấy cô có mang mấy tháng.

Viên tri phủ Vinh-Tường báo mật thám Hà-nội về khám. Do cái tên ký « Nguyễn-thái-Học phu nhân », chúng mới biết là cô. Và để trả thù, chúng cho lột quần áo ra khám, rồi bắt đè thi hài

không y phục, lộ dưới ánh nắng cho ruồi nhặng bu hút đến hai ba ngày mới cho chôn.

Vì cảm xúc trước cái chết của cô, nên một nhà cách mạng ở đương thời làm bài văn này để kính viếng anh hồn người liệt nữ và cũng là để kích thích tinh thần yêu nước của giới nữ lưu nước nhà vậy...

### THAN ÔI !

Sóng nhân đạo ở hai mươi thế kỷ, bạn má hồng  
toan cướp gái làm trai ;  
Gương nữ hùng treo một khóc trời Nam, lũ da trắng  
phải ghê dòng nước Việt.  
Trên quốc sử mực chàm giấy phấn, « ông » cả đoàn  
nhan nhản bày nô ;  
Dưới Long-Thanh máu biếc cỏ xanh, gái đến thế rành  
rành chữ liệt.  
Trăng thu mờ mịt, trông những buồn tênh.  
Người ngọc xa xôi, nghĩ càng đau tuyệt.

### NHỚ BẠN TA XƯA :

Đất nhả tinh hoa ;  
Trời trao băng tuyết.  
Vóc quần thoa nhung chi khi tu mi ;  
Thân khuê các mà can trường khí tiết.  
Thuở bé nhờ ơn gia giáo, Hán học vừa thông ;  
Tuổi xanh vào học quốc trường (1), Pháp văn cũng biết.

(1) Trường nhà nước

Tang hải gặp hồi xoay cuộc, ngó giang sơn tranh  
một lòng đau ;  
Trần ai túc tối không người, thấy nô lệ dọc đài  
tròng nguyệt.  
Xót bốn nghìn năm Tô-quốc, chôn nhau cắt rún, nặng  
nề trăm đoạn tình ly ;  
Thương hăm lăm triệu đồng bào, nát thịt tan xương  
chất chira một bầu tâm huyết.  
Xem sách Pháp từng nghĩ Lân-Đá, La-Lan (2) thuở  
nó, chị em mình há dẽ ai hơn ;  
Giở sử nhà thoát vỗ tay reo, Trung-Vương, Triệu-Ấu  
xưa kia, non nước ấy có đâu hồn chết.  
Triều cách mạng đang cơn sùng sục, cát Tinh-Vệ  
ngâm đầy trước miệng, mong thấy bèle vui ;  
Vai quốc dân nặng gánh triu triu, đá Nữ-Oa rèn sẵn  
trong tay, nỡ xem trời khuyết.  
Xã chi gai mắt cường quyền ;  
Nên phải thi gan quả quyết.  
Khi nhập đảng tuổi vừa hai tám (3) cờ nữ binh đóng  
đội tiên phong ;  
Lúc tuyên truyền xách động ba quân, lưỡi biến sĩ  
nhường tài du thuyết.  
Thổi gió phun mây từng mây trân, nào Lâm-thao, nào  
Yên-bái, nữ tham mưu đưa đầy đội hùng binh.  
Ra sinh vào tử biết bao phen, kia Thanh huyện, kia  
đồn binh, quân nương tử xông tan vùng rắn rit.

(2) Jeanne d'Arc, Mme Rolland.

(3) Mười sáu tuổi.

Thày Học vẫn tài hùng phách ráng, nhờ có cô mà  
lông cánh rập tứ phương ;  
Chị Bắc đành da sắt lòng son, cây có em mới trong  
ngoài xung lưỡng kiệt.

## TIẾC THAY !

Vận nước đang truân ;  
Tai trời chưa hết.

Việc thủy thành mà một phút tan tành ;  
Mưu trung bại bởi mấy thắng gian quyết.

Trắc trở buồm xuôi gió ngược, tài anh thư gấp bước  
gian truân :  
Ngại ngùng nước biếc non xanh, tay chúc nữ uồng  
công thêu dệt.

## NHUNG CÔ CÒN

Thiết thach nhất tâm,  
Chu tuyển bách chuyết (4).

Thời như thế, sự đành như thế, dài cắt đầu mừng được  
thấy anh lên ;  
Sống là không, thác cũng là không, đạn kè cõi chẳng  
nhường cho giặc giết.  
Súng lục liên phút chốc, vang lừng một tiếng, núi đồ  
sông nhào ;  
Hòn cửu tử chưa tan, chắc chắn trùng lai, thần reo  
quỷ thét.

## EM ĐÁY :

Tinh cũ cảm sâu ;  
Duyên xưa rủi thiệt.

(4) Hai câu này có nghĩa là sắt đá một lòng, trăm nết đều trọn cả.

Từng mây lúc hồng đi cá lại, ước ao chung gánh ruồi  
trường đõ ;  
Giận nhiều phen én bắc nhạn nam, đau đớn chia tay  
thành vĩnh biệt.  
Nợ hồ thi em chưa trắng sồ, mài nanh giữa vuốt, ước  
ba sinh át có ngày đèn ;  
Thù nước nhà chị hãy tím gan, nuốt muối ngầm gừng,  
hồn chin suối chờ xem trời xét.

## THAN ÔI !

Khóc chẳng gì hay ;  
Nói khôn kẽ xiết.  
Một nén tâm hương,  
Mấy lời thảm thiết.  
Chị em mình chỉn thiếu bạn khôn ngoan ;  
Đoàn thề lớn từ nay xin cầu kết.  
Xum bạn gái sẽ theo gót chị, thác đã linh mà sống  
lại càng linh ;  
Xoay cuộc đời sẽ xóa bàn cờ, quốc chưa diệt thì chung  
không thể diệt.  
Tiếng hạc kêu chắc thấu trời nghe ;  
Tờ giấy máu xin ghi lời viết.

## Ô HÔ ! THƯỢNG HƯỚNG !



## **Văn tế các anh hùng liệt sĩ bỏ mình trong các cuộc khởi nghĩa Yên-Bái và Nghệ-Tĩnh**

Bài này của một nhà cách mạng Việt-Nam ở Thái-Lan làm cho kiều bào truy điệu các anh hùng liệt sĩ đã bỏ mình trong các cuộc khởi nghĩa Yên-bái, Nghệ-Tĩnh, và Nam-Ngãi Bình-Phú.

Cuộc lễ truy điệu tổ chức tại Sa-Khôn vào khoảng năm 1931, một tỉnh thuộc miền Tây bắc nước Xiêm. Kiều bào ở đây và các nơi kéo đến tham dự rất đông. Và bài văn tế này sau đó có đăng trên tờ báo « Tiếng Chuông », một tờ báo của đoàn-thề cách mạng Việt Kiều bên ấy, dưới sự điều khiển biên tập của cụ tú tài Đặng-thúc-Hứa, một nhà cách mạng cùng thời với các cụ Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, quê ở miền Nghệ-Tĩnh, trước có xuất dương sang Nhật, sang Tàu, rồi sau mới qua Xiêm hoạt động.

## THAN ÔI !

**V**ùng Quê-Hải gió tanh mưa máu, áng ba đào vi tình  
thể xui nén,  
Cỗi Viêm-bang núi thịt còn xương, nỗi bi thảm xưa  
nay chưa mấy có.  
Ngoài ngàn dặm trông về cõi quốc, non sầu bè thảm,  
quắn ruột gan chín khúc tơ vò.  
Cuộc trăm năm tưởng tới đồng tâm, cỏ úa hoa dại, dẫu  
sắt đá cũng hai hàng lệ nhỏ.

## ANH CHỊ EM TA !

Gặp lúc vận nước suy vi !

Giống nòi cực khổ.

Quân quý trắng, già tay bóc lột, rày sưu mai thuế, bóc  
tận xương da.

Lũ lắn xanh, ba miếng đinh chung, bán nước buôn  
dân, kè chi máu mủ.

Tuy cách mạng đã từng phen bồng bột, tiếc nỗi  
tâm chí có thừa mà phương châm chưa đủ, sức ve minh  
chầu dành chịu khoanh tay.

Thôi thì giày bùa hết cách, đàn áp đủ đường, dầm  
ngựa ách trâu, hãy còn chịu cõ.

Tui tân học đua nhau Âu hóa, bình đẳng tự do thoả  
cửa miệng, thực lòng vì nước, trăm người chưa có  
một, ngắm tiền đồ thêm ngán bọn Tây du (1),  
Bọn cựu nho toan kế duy tân, anh hùng lãnh tụ chất đầy  
lòng, thực dạ vì nòi, xốc sô được bao nhiêu,  
thời đại sự chắc chi người Đông-độ (2).

Nay gặp lúc phong trào sôi nổi, khắp năm châu trống  
giục kèn kèn ;

Nay gặp người chỉ lối đua đường, cùng bốn bề triều  
dâng sóng vỗ.

Rừng thế giới ta góp cây !

Bão cách mạng ta góp gió !

Màn phấn đấu khởi tháng hai năm ngoái, cõi Yên Bát  
dậy một phen oanh liệt, máu quốc dân phun nhuộm  
đáy sa trường.

(1) Những người sang Pháp.

(2) Những người đi qua Tàu, qua Nhật.

Cuộc biều tình liền tháng chín vừa đây, đất Hồng-Lam  
gầy mấy triệu tung hoành, hồn tồ quốc kêu vang kèn  
dung võ.

Nhân dân quyết chí tiêm cùu ;

Đế quốc già tay khủng bố.

Thương những kẻ gan vàng dạ sắt, lăn lóc tuyên  
truyền vận động bỗng rủi cơ mưu bại lộ, nhẹ lòng  
hồng khi lên máy đoạn đầu.

Xót những người rách áo đói cơm, ước ao hạnh phúc  
dân quyền, mà đem tính mạng hy sinh, phá hang cợp  
để tìm đường sinh lộ.

Thương những kẻ trong trường thương mại, phá gia  
nghiệp ngàn vàng tư trợ, án tình nghi chẳng quản lúc  
kèm tra.

Xót những người giữa áng binh nhung, rắp ranh thân Hán  
tâm Hán (3) chước đảo qua (4) gầy mấy trận tung  
hoành, hồn nghĩa liệt nhoáng theo hòn đạn nổ.

Bạn má phấn phất cờ nương tử, chí tang bồng, duyên  
hồ thi, phản liễu bồ vùi giữa đám binh đao.

Bọn đầu xanh kết đội thiêu niên, đi diễn-lhuyết, phát  
truyền đơn, đem sinh tử để ra ngoài mệnh số.

Thương những kẻ Hỏa lò, Khám lớn, mai mật chống cùng  
oai vũ, tiếc nỗi gan vàng mà mệnh bạc, hồn lia theo  
ngọn búa đầu rơi.

Xót những người Lao-Bảo, Côn-Lôn, bấm gan chịu với  
phong trần, gặp nơi nước biếc non xanh, xác đành  
gởi ngàn cây nội cõ.

(3) Thân ở Hán, tâm ở Hán. Ý nói thân ở phe này nhưng lòng ở  
phe nọ.

(4) Đảo qua là quay giáo đánh lại.

ÔI THƯƠNG ÔI !

Tác dạ trung trinh,

Tâm lòng kiên cố.

Những cái chết đáng thương, đáng tiếc, đáng dạ nhớ  
lòng ghi !

Những cái chết đáng quý, đáng yêu, đáng bia đồng  
tượng gỗ.

Người ấy ví còn sống lại, còn hy sinh cho quốc  
gia xã hội còn nhiều ;

Thân kia dầu có chết đi, cũng ảnh hưởng cho cách  
mạng đồng bào chẳng nhỏ...

ANH EM CHỊ EM TÔI ! ...

Tủi phận quê người,

Chạnh niềm nước cũ.

Nghĩ đến chữ «Tinh thần bất tử» dạ định ninh kẻ  
khuất với người còn.

Gãm đến câu «Khi phách trường tồn» lẽ truy diệu  
biểu tấm lòng ái mộ...

HỒI ÔI ! THƯƠNG THAY !!!



## Văn tế sống năm cụ Thương về vườn

Năm 1933 là năm bọn thực dân Pháp cướp tên toàn quyền Pierre Pasquier sang làm toàn quyền Đông-Dương. Năm ấy kinh đô Huế có 5 vị đại thần khét tiếng tức 5 cụ: Nguyễn-hữu-Bài, thượng thư bộ Lại, Tôn-thất-Đàn, thượng thư bộ Hình, Phạm-Liệu, thượng thư bộ Bin, Võ-Liêm, thượng thư bộ Lễ, Vương-tứ-Đại, thượng thư bộ Công. Năm cụ này trải thờ bốn trào vua Thành-Thái, Duy-Tân, Khải-Định và Bảo-Đại. Thái độ và hành động của các cụ chẳng những đã tỏ ra tận trung với vua mà còn dốc lòng với nhà nước Bảo-hộ.

Áy thế mà bắt nhân thay, sau khi Bảo-Đại hồi loan được mấy tháng, tên toàn quyền ấy lại bắt các cụ phải về vườn tất cả nhường cho các cụ khác vào. Thật là một cuộc chính biến đáng cười ra nước mắt, nên một nhà văn ở Kinh lúc ấy là ông Hoài-Nam Nguyễn-trọng-Cần có làm một bài thơ Đường luật :

*Năm cụ khi không té cái lình,  
Đất bằng sấm dậy đất thần kinh.  
Bài không đeo nuga xin dâng lại,  
Đàn chẳng ai nghe phải giấu hình.  
Liệu thế không xong binh chẳng được,  
Liêm dành chịu đói lẽ đừng dinh.*



Đến trên cù Võ. (5)

Cả thấy năm ngài,

Được về một số,

Chữ pháp tử trong tay đã hiền, cười cũng lở cười ;

Gương tinh quang trên mặt còn đeo, ngó rồi lại ngó.

Tưởng đã đứng đầu năm tước, tha hồ đẽ băng

Phuoc-môn ; (6)

Hay đâu đi rập một chiều, hưu lữ trừ quan Thượng  
Hộ. (7)

Thảm thiết nhỉ, năm mây gần đó, ngàn ngọn trông  
năm vẻ rồng cao ;

Độc ác thay ! một lưỡi quét xong, may sót lại một  
con cá nhỏ.

Ú có chữ «danh thành thân thoát», kiếp thứ sinh chi  
dám kêu nài ;

Tủi vì câu «tổng cựu nghinh tân», chữ bản nhật (8)  
sao mà khắc khổ.

### ÔI THỜI THỜI !

Sĩ chỉ theo thời,

Hành tàng có số.

Máy tạo khôn lường ;

Đạo trời cũng ngô.

(5) Tức cù Nguyễn-hữu-Bài với chức phong Võ hiền đại học sĩ.

(6) Cù Nguyễn-hữu-Bài được phong làm Phuoc-môn quan công.

(7) Tức cù Hồ-đắc-Khai, thương thư bộ Hộ.

(8) Bản nhật là ngày hôm nay (Toàn quyền bắt các cù phải về  
vườn lập tức khi nhận được sắc lệnh).

Vua đã tha mà phép lại không tha,

Ta chẳng phụ tại sao người nỡ phụ.

Bước qua năm mới, lối đường cũ nay khỏi gác xe ;

Biết có ngày ni, cửa Thần-vũ trước đà treo mũ.

Ngao ngán lên hàng Hiệp Quí (9), một chiếu một mâm ;

Thình linh đưa giấy hồi lưu, cả đoàn cả lũ.

Hẹn phải ba ngày bái mạng, giã mai hòe mà vui vời  
cúc tùng,

Hành hay một vị hồi hương, ta khanh sĩ về chơi cùng  
thân cõi.

Y thường vui gặp hội, áo mũ xưa đã khác tích thi (10) ;

Lương đồng thiếu chì tài, nhà cửa đó giao về tân chủ.

Đất cũ dãi người mới, cuộc tang thương sao khéo đổi dời.

Ăn lâu chán mùi rồi, ơn sơn hải hẹn chưa báo bở.

Rủi mà được sống lâu lên lão, miệng sau lưng nhiều  
tiếng khó nghe ;

May cũng cho thác trẻ khoẻ ma, khói trong bụng bao  
giờ cho đủ.

Tuyết trắng đã thay mái tóc, bồng con thơ mà giốn

cho khuây ;

Hoa tàn còn đượm mùi thơm, dạo vườn cũ thủ chơi  
cũng thú.

Nhờ ơn nước khi tiệc lớn, năm vài lần quen miếng thịt xưa ;

Tính bồng hưu số bạc to, tháng trăm trụ còn màu mỡ đó.

Cù thì dạo chơi sơn thủy, cõi Bắc miền Nam ;

Cù thì trở lại gia hương, quê cha đất tổ.

(9) Tức các quan đại thần.

(10) Tích thi là ngày trước.

Cụ lo thực nghiệp mà tim nơi canh khắn, chơi cùng  
phường lão phố điền phu ;  
Cụ thích phiền ba mà ăn bóng kinh đô, chịu làm kẻ  
kiều cư khách ngũ.  
Tranh tạo hóa hãy còn treo đó, khói phù vân đủ sắc  
trắng xanh ;  
Trường diễn ca đã hết lớp rồi, mặt ôi lỗi thay màu  
đen đỏ.  
May trước dắt diu con rề, khiến đua bơi mà nối nghiệp nhà.  
Mừng nay thong thả tháng ngày, nhờ ăn ngủ càng lên cõi  
thọ.  
Nay sắp tới quan trường chỉnh đốn, nhỏ thì liêm, lớn  
thì giữ phép, cải lương cho là gánh khanh phu (11) ;  
Rày khác xưa chinh tri mỏ mang, trên vì nước, dưới  
cũng vì dân, lâu dài được nhờ ơn Bảo Hộ !

Nay chép vài vần,  
Xin mừng các cụ.



(11) Quan khanh và quan đại-phu, tức các quan lớn ở triều đình.

## **Văn tế đồng bào Nghệ-Tĩnh chết vì nạn bão lụt**

Nói đến trận bão lụt năm 1935 ở Trung-Việt chắc hẳn chưa  
mấy ai đã quên đó là thiên tai đã làm cho không biết bao nhiêu  
sinh mạng và tài sản của đồng bào ở hai tỉnh Nghệ-An và Nghệ-  
Tĩnh bị cuốn theo dòng nước và xô theo chiều gió.

Song bão thì bão ! lụt thì lụt.

Cái tai họa xảy ra đem đến cho đồng bào những thiệt hại  
Ấy chắc chắn không phải chỉ vì riêng tay tạo hóa, mà chính nhà  
cầm quyền Pháp và Nam triều lúc ấy phải gánh lấy một phần tội lớn.

Tại sao, họ để cho nước lụt, và bão lụt rồi lại không  
thiết nghĩ gì đến cảnh lầm than khổ của đồng bào ?

Chúng ta hãy đọc bài « Văn tế đồng bào Nghệ-Tĩnh chết vì  
nạn bão lụt » này của nhà ái quốc Phan-bội-Châu sẽ thấy cảnh  
điêu đứng của đồng bào ra sao sau trận bão lụt ấy, cũng như  
là thái độ của những kẻ « ăn trên ngồi chốc » tự xưng làm « thày »  
và làm « cha mẹ » của nhân dân trong khoảng thời gian ấy !

THAN ÔI !

Hoa Hồng Thủy vì đâu đưa rời, gờm ghê con tạo  
quá già tay.

Trận cuồng phong mấy ngọn xông qua, đau đớn thằng  
bần nèn vô ngực.

Cối cực lạc trông chê trông chán, trông đã hết no.  
 Dân vô cỗ chết ngược chết xuôi, nghĩ càng thêm tức.  
 Sóng bất bình trăm lớp reo to,  
 Tình đồng chùng đôi dòng khóc nức.

## THỐNG DUY ĐỒNG BÀO BỊ NẠN !

Dòng giông Tô Hồng,  
 Tôi con Mẫu quốc.  
 Phận chịu đế giun,  
 Ngu cam bò đực.  
 Mấy mươi vạn lao nhao lố nhố ; hủ hủ bữa cơm bữa cháo,  
 tân khồ qua ngày.  
 Quanh một năm chạy vạy chạy vàng, lo có đồng thuế đồng  
 sưu, trung thành hết sức.  
 Dù nắng dù mưa dù giông hối tố trận, đầu tro mặt trầu,  
 dám đâu trắng trợn với ông xanh.  
 Ai cày ai cuốc ai đập đá đốn cây, chôn lấp tay bùn, trót  
 đã đen thuỷ hồn chó mục.  
 Sao trời còn cẩm đảo cẩm điện.  
 Xui ta phải chết cơ chết cực.  
 Lụt thời to, bão lai phi thường,  
 Nước quá dữ, sóng càng bất trắc.  
 Thần Phong-Bá vô tình lầm nhỉ ; mồ ba-dào chôn sạch  
 xác làm ăn,  
 Kiếp thương sinh đáo đê làm sao ; lửa sấm chớp thiêu  
 tan hồn ngủ thức.  
 Vò số nhà to nhà nhỏ, bay tuốt lên trời ;  
 Biết bao ruộng thấp ruộng cao, sâu thành hóa vực.  
 Chó gà xao xác, trôi theo thây chủ từng đoàn.

Sáu mập lung tung, nuốt sống xương người kề ức.  
 Ghè nỗi triều lùa mưa cuốn, khách vò gia thô hết  
 lối cầu sinh.  
 Xót người sông lấp cát vùi, thuyền cứu khổ biết nhờ  
 ai xuất lực.

Oan khồ thiệt mấy phường đánh cá, vẫn kinh thành  
 cùng Hà Bá, sao Bá dành tuôn xuống ngọn dòng đông.  
 Tôi nghiệp cho mấy chú làm thuê, chẳng trên chọc đến  
 Phong Di, sao Di nỡ cuốn vào luồng gió bắc.  
 Cỏi cút đường này đường nọ, mong đủ hai ba đồng  
 đăng sống, tình cờ mà chết trước, ai dè thiên địa  
 bất nhân.

Trăm trồ năm ngoại năm kia, tránh khỏi một hai kiếp  
 vừa mừng, cắc cơ họa trời dồn, có lẽ lồ tiên thất đức.

## ÔI THÔI !

Sóng vàng máu đỏ, chết đã quá oan,  
 Nước mặn đồng chua, sống càng thêm bức.  
 Chặt làng xóm chưa đầy là oan quỷ, tha hồ khóc khóc  
 rên rên.  
 Thầy trâu bò cúng sạch với Diêm-vương, vắng ngắt  
 ri rì tắc tắc.

Thương những kẻ mất vợ, mất chồng, mất anh em,  
 cha mẹ, bới đất tim nhưng sợ ngực nhiều tùng,  
 Xót vì ai không cơm, không áo, không nhà cửa ruộng  
 vườn, kêu trời hỏi biết tròng thang mấy bậc.  
 Tình cảnh này dù đá cũng rên to.  
 Oan nghiệt nọ có tai đành lúc lắc.

EM NAY !

Đất mẹ Trời cha, núi gang sông tắc,  
Cảnh đã chung đồng, tình càng thiết thực.  
Vân nén máu chảy ruột mềm,  
Há phải nồng chì nhẹ bắc.  
Đau bốn bề trong cơn thủy hỏa, tan xương nát thịt  
                                      đụng kỳ tài ;  
Trừ một mình ngoài cuộc phong ba, chừa cháy vớt  
                                      chim ngơ bản chúc.

Thấy đã gây ghê.

Nghĩ càng thắc mắc.

Chung nhau sống há riêng nhau chết, chử anh quan  
                                      thôi xếp sách thầy Kha.  
Sau mà vui phải trước mà buồn, nghĩa mà đinh dám  
                                      quên lời họ Mặc.  
Vậy nên !

Dốc tấm son đè, tuôn dòng máu rắc.

Xin cả thấy anh em chú bác, hòn non sông soi  
                                      xét lấp tinh thành,  
Mong lần qua xuân hạ thu đông, cơ tạo hóa xoay  
                                      vần trong khoảnh khắc.

HỒI OI ! THƯƠNG THAY !



## Tỉnh quốc dân phú

Các nhà cai trị Pháp sang đây, có thật họ muốn khai hóa  
cho dân tộc Việt-Nam không ?

Hay trước sau, tất cả đều là những thủ đoạn lừa bịp.

Bởi thế, nên trong bao nhiêu năm trời có mặt ở đây, mà  
người mình có thấy gì là vẫn minh đâu.

Thật đáng thương hại thay, và tủi nhục thay cho dân tộc  
Việt-Nam ta trong những năm được họ ngồi lên đầu cõi để  
« khai hóa ».

Nào chỗ này thì những bọn rước voi giàn mǎ, chỗ kia thì  
những kè xắn tay đốt làng, chỗ nọ thì những phường mượn  
gió bẻ măng, chỗ khác thì những kè xui nguyễn giục bị.

Cả một xã hội đầy thói tha nhơ bần, nhanh nhản những  
hang người mắt cáo râu dê, và đầy đầy những thói quý tha  
ma trói.

Bao nhiêu những cái đó đều được tả ra trong bài « Tỉnh  
quốc dân phú » này của cụ Phan-bé-Châu. Cụ lấy đủ sáu  
vần trong câu đầu Kim Vân Kiều truyện của nhà thơ Nguyễn-  
Du và sáng tác trong những ngày tàn ở sông Hương núi Ngư  
đè gọi thức tinh thần đồng bào tinh dậy và tin tưởng  
vào tương lai rực rỡ của giang sơn Tổ quốc, vì theo cụ thì  
« hội trăm năm gần đó chẳng xa đâu »...

Liếc xem phong thồ,  
 Nghe, tiếng quốc âm.  
 Ở ống thì dài, ở bầu thì tròn, đã biết ngạn ngôn vẫn có.  
 Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, cho hay cồ huấn đã  
     nhắm.  
 Sống nhiều tuổi biết nhiều điều, cồ nhân đã dạy.  
 Hơn một ngày hay một chуроч, tiền định chẳng lầm.  
 Khôn làm chị, khó làm em, người danh giá chia nên  
     thượng hạ.  
 Giàu vì làng, sang vì nước, khách tài hoa nổi gót  
     quan trâm.  
 Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, người cư xử có thủy chung tiền  
     hậu.  
 Có tiền mua tiền cũng được, nó tiền tài kề ức vạn nghìn  
     trăm.  
 Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau, lời ngạn ngữ mấy  
     câu huấn đọc.  
 Khéo ăn thời no, khéo co thời ấm, lúc hàn vi bao kẻ  
     phù trầm.  
 Vốn xưa : mấy dòng chính thống, một cõi An-nam.  
 Vũ trụ thu về trong lám cõi,  
 Cơ đồ gây dựng mấy muôn năm.  
 Ai ngờ tin bợm mắt bò, âm âm khắp cõi bắc nam, thấy  
     trắng toát thuyền bè xe ngựa.  
 Chẳng biết nuôi ong tay áo, giăng giăng khắp đường kẽ  
     hở, mải đèn sì thủy bộ sơn lâm.  
 Nuôi cọp hại mình, tiền bạc nó đều thu tận.  
 Choi cò cõi mồ mắt, thành trì quét sạch lăng xóm.

Rước voi về giày mǎ, nào tiêu chiến, nào đai công, liếc  
     mắt thấy cờ trương tỏ rõ.  
 Xắn tay đốt nhà làng, nào thành cao, nào hào rộng,  
     vảng tai nghe súng phát vang ầm.  
 Minh một gói, người trót bàn, nó xe ngựa tung hoành trong  
     đất nước ;  
 Bè của tôi, gỗ của chú, nó bạc tiền thu tận mấy non sông.  
 Không thầy đỗ mấy làm nén, xe Cát-lợi, điện Hồng-mao,  
     đều học được tha bang trí xảo.  
 Gần tre phải chè một phía, thuyền Pha-nho, súng Phồ-lô,  
     đã chắc rằng viện quốc hồng phong.

## BÂY GIỜ :

But già ma trẻ,  
 Nước đục bùn trong.  
 Cũng có người nhờ gió bẻ măng, chẳng nhớ xưa lọc nước  
     Ơn vua, cơm áo nặng dày Ơn cố chúa.  
 Cũng có kẻ qua cầu cất nhịp, chỉ biết những đồng tiền  
     lượng bạc, cương thường nhẹ bồng chữ trình trung.  
 Cũng có thằng theo đuốc ăn tàn, quyết một bài uốn  
     lưỡi cắt răng, ngâm miệng nin hơi đua những thói.  
 Cũng có kẻ nương đèn ăn bóng, quen những thói bắt tay  
     nhớ mặt, xui nguyễn giục bị nhởn nhơ lòng.  
 Ăn một miếng tiếng cả đời, chỉ cầm hết thịt dơ xương,  
     gặp hội no ra rồi cũng có.  
 Gió bè nào che bè ấy, đã chắc ít thầy đầy bị, tới phen  
     này há lẽ ngồi không.  
 Quan cả vạ to, giàu kim ốc thấy đâu Đinh-Trưởng.  
 Của đời người thế, tiền đồng sơn đâu thấy Đặng-Thông.  
 Hội này : nhà nước loạn ly ; sơn lâm biến đổi.

Chờ thấy người sang bắt quàng làm họ, phận đinh chung  
sẽ bấm chỉ đợi chờ.  
Chờ thấy sóng cả mà vỗ tay chèo, tài chau liếp phải ra  
tay găng gỏi.  
Cũng đừng ăn no tức bụng, theo những phuờng mắt cáo  
râu dê.  
Cũng đừng bồ bạc mắt hờ, mang những thói quý tha ma  
trói.  
Thua cuộc này bày cuộc khác, ruồi phong tràn quét sạch  
hờ di.  
Đông có mây tây có sao, tinh sấm vũng đã nhảm nguyên  
hội.  
Phải ra ngoài mà lẩn, vẫn tu võ luyện học cho tinh.  
Dốt thời truốt cho xa, đây bẽ ngọn nguồn tới đến cõi.  
Có hỏi thời nói, có gọi thời thura, thơ thần kẻ hiền nhân  
quân tử.  
Ra đường hỏi nhà, về nhà hỏi trẻ, xem hội này thiên hạ  
nhà ai.  
Phi đường ấy tắc đường kia, nhảm Mộc Tư sơn hà đã định.  
Đèn nhà ai sáng nhà nấy, hẵn Phá Điền đường để trùng  
khai.  
Xem mặt đặt tên, số hai mươi cho ra mới biết cày chưa gấp  
nước.  
Nhiều cây dày trái, hạn bảy mươi đã định biết rằng chợ  
hop lấy người.  
Cũng có người nhiều mối tối năm không, có tình vi  
nước, vì dân, bảo một đường quàng một  
nέo.  
Cũng có kẻ cầu danh tranh mối lợi, có ý giả vương, giả  
bá, khéo lồng mốt dốt lồng hai.

THÔI THÔI !  
Thế thời mặc thế,  
Ta biết việc ta.  
Câu xuất khám chưa từng đã rõ.  
Hội trăm năm gần đó chẳng xa.  
Hay áo giặc sừng, đến lúc cháy nhà ra mặt chuột.  
Ma bắt có mặt, mấy đời đứa ở đánh chúa nhà.  
Rút dây động rừng, nào là ba bẽ chín châu, thu hào kiệt  
đem về la vông.  
Phát cờ theo gió, đâu đấy ba mang bảy bị, so quần  
tại một hội can qua.  
Rồi ra giàu đồ bình leo, đắng chán chúa thừa cơ gấp  
hội.  
Mới thấy cây cao bóng mát, khách anh hùng khai quốc  
thừa gia.  
Ba vuông sảnh với bảy tròn, hội quân thần ra tay trí trach.  
Nước đồng chảy thông nước biển, đời thái bình mở  
hội ấu ca.

## TA Ở

Hoan-châu đất cũ,  
Hồng-lĩnh quê nhà.  
Đất thảo dã đã quen nghề thao lược,  
Tiếng anh hùng nỗi từ lúc năm ba.  
Ăn vóc học hay, đủ thời vụ tính xem thế vận.  
Chỉ đâu đánh đấy, khách Nam-đình ghi đề bút hoa.



## Tình Tục Phú

Đã là thực dân thì luôn luôn lúc nào và bất cứ đến đâu cũng đều dùng chính sách ngu dân, vì dân có ngu, chúng mới tự do, mới tha hồ mà vét bỏ túi tham, túi tham của họ là túi không khi nào có đáy.

Vì thế, trong những ngày các nhà cai trị Pháp còn có mặt ở đây, họ đã « khai hóa » dân tộc Việt-Nam ta bằng cách bền giữ những tật xấu, nết hư, những phong tục hủ bại, những dị đoan mê tín đi đôi với chính sách quan tham lại nhũng.

Như vậy đó.

Áy thế mà trong đồng bào ta vẫn còn kè tin được, hỏi sao mà quái đẽn như vậy? — Và như vậy, làm sao mà thoát xiềng nô lệ, làm sao mà mờ mắt mờ mày với năm châu bốn biển?...

Cho nên nghĩ đến tiền đồ của non sông, vận mạng của dân tộc, cụ Phan-bội-Châu, nhà cách-mạng tiền bối của ta, phải viết ra bài « Tình tục phú » này, mặc dù cụ bị giam lỏng một nơi ở tại kinh thành Huế, xung quanh lúc nào cũng có sự theo dõi, dòm ngó của kẻ thù và những lũ chân tay của họ.

Các bạn hãy đọc bài này sẽ thấy lời cụ thống thiết kêu gọi đồng bào phải giác ngộ thế nào, nhất là những sĩ phu trong nước.

**Đường đất nghe àm,  
Thông trời cho bảo.**

Thế sự đã chồn,  
Nhân tình phải cáo.  
Ai có biết thời nghe,  
Ta nên xem nhật báo.  
Việc ấy chưa rời trời việc khác, súc dân gánh mãi  
cũng mòn.  
Tiền nợ vừa nộp đợp tiền kia, của nước vắt lâu cũng ráo.  
Gánh giang san nghe cũng nặng nề.  
Cơ trời đất có khi hạn lão.  
Gầm nhà nước, nước non mãi thế, ai đó thưa với các  
thầy các quan.  
Lấy nhân tình, tình trạng kê ra, ta xin nhau cho kê  
đồng kê lão.  
Thánh nhân kinh thế, chữ tồn ích lấy làm tri công.  
Quân tử tùy thời, nên thông biến mới là trí não.  
Thấp chân chạy trước, đương đại thi phải học khôn.  
To đầu khó chui, chưa lớn hãy khoan làm báo.  
Tể tự tinh thành trong bụng, không kỳ to thịt to xôi.  
Phụng thờ kinh úy trên đầu, chẳng phải lấm vàng lấm áo.  
Thánh ngài ở chi trong miếu, mà tô gạch tô vôi.  
Thần người ở chi ngoài đèn, mà sắm gươm sắm giáo.  
Lên chùa lạy Phật, Phật nam vô Phật, chữ chân tâm  
là ngâm kệ ngâm kinh.  
Lắm thầy rầy ma, ma sợ chi ma, có chính khi đừng  
vọng cầu vọng đảo.  
Sống ta cứ ở phải, trời sinh trời dưỡng, chờ chọn chi  
quy khâm quy khôn.  
Chết ai nấy vực sâu, đất nhỏ đất to, biết đâu là long  
thìn long mảo.

Việc tống táng xin đừng sắm sửa, nợ ở đời mà đời  
ai không nợ, hiếu chi đồ lầm trống lầm cờ.  
Đường hòn nhàn ăn ở lâu dài, con có họ mà họ ai  
không con, lê đâu bão xách tiền xách gạo.  
Tùy lương tình mời anh mời chị, bụng tinh tiễn mà  
miệng giả lúa khua.  
Nghĩa bách niên điếu cổ điếu ông, mắt liếc thịt mà  
mồm vò mếu máo.  
Coi miếng ăn như nghệ, nghe to đùm thời nói ngọt nói  
ngon.  
So điếu ở hơn vôi, không có miếng thời hết thơm hết thảo.  
Đất có quê, lè có thói, quý sao sự thực, ai lai pha  
cho vừa mạng vừa cò.  
Giàu làm kép, hẹp làm đơn, chi đồ phù hoa, ai có  
bảo mà làm trở làm tráo.  
Giỗ chẳng biết truy tư tồ khảo, lo ăn đi ăn lại, mời  
mời rước rước, bạc bạc vàng vàng.  
Tết vui thay di dưỡng tinh thần, cũng chạy ngược  
chạy xuôi, hương hương hoa hoa, tranh tranh  
pháo pháo.  
Như nói điếu tôn ty thương hạ, thời ta đã ăn trên  
ngồi trước, châm chi nơi thịt sống cỗ bàn.  
Dù sao rằng thù tạc vãng lai, thời ta cứ rày viếng  
mai thăm, sá chi đồ chả nem cơm cháo.  
Bà con muốn làm sao mặc, sẽ nau lặng mà nghe.  
Anh em đừng kè miếng ăn, nghe đích đừng bàn náo.  
Dù ai chê thức nghe cũng sướng, khôn ra thời nằm ngủ  
nghe kèn.  
Cầu người khen nín hơn không còn, đợi chi mà đưa  
hơi thổi sáo.

Học chi mà học, văn thơ phú lục, được bài gì mà  
nhọn mỏ chuột chù.  
Thi chi cũng thi, tu tề trị bình, được chữ gì mà  
vèn môi cá ngạo.  
Trò chi đồ quái đồ quý, tồn nhân ích kỷ một gà mà  
hai mè.  
Độ về đừng cậy thế cậy thần, trí chúa trách bá voi  
không một xáo.  
Lấy bụi nứa giá bụi pheo, xin đừng ba bè bảy  
mảng, thượng hư văn chỉ bác tân thư.  
Mượn cái cột chốt cái kèo, trông cho hai mái một nhà,  
vu thực học nên theo cửu sáo.  
Học đạo vi sĩ, miệng ngâm dạ nghĩ, theo chi đồ  
rày bạc mai cò.  
Đại bản giả nông, chân lấm tay bùn, cứ chi bọn  
sớm cù trưa đáo.  
Thợ cho ra thợ cả, chờ giờ dìu làm quếch làm quàng.  
Buồn thời phải buồn chung, chờ xổ lá nói vèn nói vào.  
Có tiền mua tiên cũng được, lo sao cho phú cho cường.  
Không thầy đố mà làm nên, học sao cho trí cho  
xảo.  
Khéo ăn thời no, khéo co thời ấm, cho dân được  
bất cơ bất hàn.  
Khi giận thời đánh, khi quạnh thời thương, cho dân  
được tương thân tương bảo.  
Chó thời treo, mèo thời đây, ta có cửa phải lo.  
Cá trong chậu, chim trong lồng, ai có biết mời thảo.  
Đứng trường gân chi nứa, nước đến chân cùng da  
cùng thịt, gót muốn sạch nên phải sắm giày.

Ngồi mó ót mà coi, việc đến đâu có mắt có tai,  
tóc làm rầy đê chi không cao.  
Mặc áo phải lo áo chỉ, đủ cánh mới hòng bay,  
Che ô phải nghĩ ô danh, mở cung kính tiếng chào.  
Trít tai voi xuống đó, nghe chẳng đến đầu đến đuôi.  
Trương mắt ếch làm chi, nói thời trùng trộn trùng  
trạo.  
Sắm sửa uốn câu miệng cá, việc chi có việc cò kè.  
Quản bao vạch lá tim sâu, phường ấy cũng phường  
ốc sáo.  
Việc Âu-Á thế tùy thời, thời tùy thế, tiểu nhân an  
dụng khu khu (1) ;  
Đạo Không Mạnh ngôn cố hành, hành cố ngôn, quản  
tử hồ bất tháo tháo (2).  
Trai bốn mẫu, anh em là tri thức, cất dân quyền cho rõ  
mặt trùng tân.  
Người một họ, con cháu cũng anh hào, nhờ tồ ấm  
cũng ra tay tái tạo.  
O ai ôi ! Hữu tri hữu tri.  
Nay tôi xin, Cập tảo cập tảo.



(1) Khu khu nghĩa là bo bo cố chấp, chỉ biết mình.

(2) Lời nói phải đi với việc làm, việc làm phải đi với lời nói, người quân tử há chẳng thành thật ru ? (chữ Trung dung.)

## Văn tế cụ Phan-bội-Châu

Năm 1940, tháng 10 ngày 29, cụ Phan-bội-Châu từ trần và chôn cất ở Huế. Thọ 74 tuổi.

Hay tin cụ mất, quốc dân ai nấy đều thương tiếc vô cùng, nhưng làm sao làm lễ quốc tang được, vì hoàn cảnh không thuận tiện.

Chánh quyền thực dân Pháp và Nam triều bè ngoài tuy ra về săn sóc đám tang cụ bằng canh phòng cần mẫn, nhưng kỳ thật là để ngăn cấm những cuộc truy điệu hoặc biếu tình như đám tang cụ Phan-chu-Trinh ở Sài-gòn năm 1926, nhất là khi ấy lại là khi quân Nhật vừa đồ bộ vào Đông-Dương được hơn một tháng trời.

Vì thế nên trong những thi văn về đám tang cụ ngoài câu đối của ông cử Dương-bá-Trạc khóc :

*Một bầu nhiệt huyết, tưới ra khắp Hoành-tân, Bang-cốc, Thượng-hải, Yên-kinh, ôm về núi Ngự sông Hương, vùi xuống cửu nguyên còn đóng cục ;*

*Muôn thuở anh hồn, bạn cùng Tây-hồ, Nhị-khê, Trảo-nha, Liên-bạt, phù hộ nòi Hồng giỗng Lạc, ngắm coi năm biển những phì cười.*

Chúng ta ngày nay chỉ còn ghi lại được bài văn tế cụ này của một chí sĩ vô danh người Hà-Tĩnh làm ra để thay lời quốc dân kính viếng anh hồn cụ. Và sự nghiệp cụ, tinh thần vì dân vì nước của cụ cũng như cảm xúc của các đồng chí, và đồng bào đối với cụ cũng tóm tắt ở trong bài văn lịch sử này.

## THAN ÔI !

Thiên diễn chẳng qua trường múa rối, bày ra cái  
hay hay dở dở, phỉnh người đời cho đến bạc đầu đi.  
Anh lúc chỉ lấy nước làm nhà trại bao phen được được  
thua thua, đến lúc chết vẫn chưa quay cỗ lại.  
Xóc thê tinh từng cơn dâu bể, xura qua nay lại, bao  
cuộc buồn vui.  
Hú hồn kêu mấy bạn non sông, kẻ khuất người còn, thêm  
chiều ái ngại.

## NHỚ CỤ XƯA :

Học rộng tài cao,  
Khi hăng chí giỏi.  
Đầu xứ Nghệ tiếng đà từ thủa, một ngòi lồng rung  
động cả ba kỷ.  
Thánh Nam-dàn sấm hẵn từ đây, đôi con mắt nhìn thâu  
tám cõi.  
Thời chưa đến anh hùng giấu mặt, thong thả câu  
thơ phú, vận thanh tâm ngời lắc thảy đồ.  
Việc khi nêu thân sĩ đứng đầu, ngâm nga bài biếu  
bài văn, trường bách chiểu tạm vắt vai ông Giải.  
Kinh, Quảng đòi phen xuôi ngược, chí sẵn rắp ranh.  
Mão, Thin mấy độ xông pha, lòng thêm hăng hái.  
Liếc nhìn thấy trào lưu thế giới, ba dồn bảy dập, nước  
đến chân há lẽ đứng chờ ai ?  
Đoái trông về cảnh tượng giang sơn, bảy xé ba chia,  
tức ứ tiết lẽ dành cam chịu lỗi.  
Nào bác Thần-sơn,  
Nào ông Ngư-hải,

Nào lập quân cơ,  
Nào bày san trại.  
Khói đạn trại bao phen nung nấu, khi Tịnh-bảo, khi Hoan-  
đàn, khi Tuyên, Hưng lui tới, ngọn lửa tàn càng  
dập lại càng bung.  
Tuyết sương ngoài muôn dặm xông pha, nào Đông-  
kinh, nào Thượng-hải, nào Quế, Việt đi về, gót  
chân dạn chẳng mòn cũng chẳng mỏi.  
Hầm lầm triệu đồng bào, thù nợ đã quên hay chưa,  
chan chứa trăm dòng huyết lệ, lập Lưu-cầu trao lại  
bác Phan-Chu (1).  
Bốn nghìn năm tồn quốc, hồn xưa nay biết về đâu, âm  
thầm đòi đoạn can trường, sử vong quốc viết cùng  
ông Lương-Khai (2).  
Trời đà lắt léo, khuất kẻ trung trinh.  
Đất khách xa xăm, đau lòng quan tái.  
Khách giang hồ chi quản bước lưu ly.  
Thư trong ngực viết bao lời cảm khái.  
Thế dù vậy thời kia dù vậy, tấm lòng son cùng với  
nước non thề;  
Thân đang còn nước hãy đang còn, bàn tay trắng  
quyết cùng trời đất chơi.  
Hội Việt-Nam (3) cùng nhau lai lập, toan xoay cuộc  
khác, phận bồ đào chi quản nỗi gian truân.  
Đất Quảng-Dông tạm lúc nương nhờ, mong đợi ngày  
sau, sự quang phục biết còn chẳng cơ hội ?

(1) Phan-Chu-Trinh

(2) Lương-Khai-Siêu.

(3) Việt-Nam Quang-phục hội.

Nát gan Ngũ-Tử, nước cờ Ngô khó tính lúc hẫu tàn ;  
 Mệt dạ Vũ-Hầu, lửa tro Hán khôn nhen khi đã nguội.  
 Sự thế đã vầy,  
 Cuộc đời hết nói.

Giang san trong những lúc tồn vong,

Anh hùng sá kẽ chi thành bại.

Mấy thiên hải ngoại (4) tỏ tâm can cho hả dạ bất bình.  
 Một tập đè huề (5), với quốc dân mong cáo rắng vô tội.  
 Nùng, Nhĩ lúc về quê, ngao ngán lâu dài, ngõ cũ đau  
 lòng cõi quốc, nước non chan chứa lệ tang thương.  
 Hương, Bình khi trở lại, lạnh lùng trăng gió, thuyền ai  
 ngán buổi tân trào, sông núi ai hoài thân lão đại.

#### TỪ ĐÂY

Tên đê năm châu.

Người về chín suối,

Lam, Hồng đã vắng tiếng đi về.

Àu, Mỹ biết tim đâu thăm hỏi.

Chuông Thiên-Mụ đánh tan luồng gió mới, vắng vắng  
 nghe như cụ còn tay dùi tay mõ, giữa đám trường  
 danh ngõ lợi, lớn tiếng kêu gào,

Gà Thọ-xương gáy giục bóng trăng khuya, xa xa như  
 thấy cụ còn chân bắc chân nam, tận nơi góc bờ chân  
 trời, một mình thuỷ thủ.

Sóng vì nước hẵn thác đành vì nước, luồng khí tinh  
 anh khôn dứt, phá Tam-giang muôn trượng thét ầm ầm,

(4) Hải ngoại huyết thư.

(5) Pháp Việt đè huề chính kiến thư.

Đá thành bia mà miệng cũng thành bia, trăm năm ảnh  
 hưởng còn truyền, đỉnh Thiên-Nhận nghìn trùng trông  
 voi voi.

#### HỒI ÔI !

Dịp tốt dễ mua,

Người khôn khó bói.

Tưởng âm dung thêm nhớ bậc tiên tri,

Trông thời cuộc luống đau lòng hậu bối.

Nay cầm bút chép thiên tiều sử, tôi xin viết một hàng  
 đại tự : nhà cách mạng Việt-Nam.

Khi qua mồ trông tấm tàn bi, ai mà không ba tiếng  
 ô hô : cụ Giải-nghuyên Phan-Bội !

#### Ô HÔ ! THƯƠNG THAY !

